

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
HOA NGHIÊM KINH TÙY SỚ DIỄN
NGHĨA SAO
QUYỂN 64**

- Địa thứ 6: Hiện tiền địa.

- Số câu: Sở dĩ nối tiếp: Về ý nối tiếp gồm hai:

Một: Căn cứ nơi chỗ dựa vào quả vị cùng ba Học mà nói. Tức địa thứ năm dựa vào Thanh văn. Địa thứ sáu dựa nơi duyên Giác. Từ địa thứ tư trở đi đều thuộc về Tuệ học. Nay cũng đối chiếu với địa thứ năm để biện giải về ý của sự tiếp nối. Tuệ cùng với chỗ dựa vào quả vị về danh nghĩa thì tương tự nên hợp làm một.

- Số từ câu: “Lại, địa thứ tư” tiếp xuống: Là ý thứ hai, căn cứ nơi sự đoạn trừ chướng, chứng đắc Như để biện giải về ý nối tiếp.

Địa thứ tư, năm, sáu đồng là Thuận nhẫn, nhiệm tịnh cùng gần bó. Cho nên nêu lên địa thứ tư. Địa thứ tư xuất thế gian chỉ là tịnh. Địa thứ năm thấy nhiệm có thể tùy thuận. Địa này có thể làm mất hẳn cả nhiệm tịnh.

- Mà nói “quan sát” là căn cứ nơi Gia hạnh để nêu.

- Từ câu “nên Luận Du Già nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Văn nơi luận gồm ba:

Một: Biện minh sự chứng về đức của địa thứ năm. Ở trên có thể tùy theo chỗ hơn nơi địa thứ tư.

Hai: Từ câu: “Nhưng chưa có thể” tiếp xuống: Là nêu rõ không có đức chứng của địa thứ sáu. Tức ở trên không thể phá trừ Mạn, Kiến của một nhiệm tịnh. Nhưng có hai ý: 1) Chẳng quán Như thật nên không có nhiệm tịnh. Thứ hai: 2) “Lại do ở nơi” tiếp xuống: Là do sinh nhiều chán bỏ.

Ba: Từ câu: “Là khiến cho phần này” tiếp xuống: Là chính thức đối chiếu với địa thứ năm không có khả năng. Còn địa này thì có khả năng đạt đến.

- Số câu: “Luận Thập Trụ nói: Đã hàng phục Ma sự xong”: Sinh tử, Niết-bàn tức là “Ma sự” của Bồ tát. Sinh tử là hành của phàm phu.

Niết-bàn là hành của hàng Nhị thừa. Đại Sư Đạo Sinh nói: “Ba cõi nẻo nguy, Nhị thừa đường hiểm. Năm trăm do tuần là còn đường xấu của Bồ tát, thật hết sức khó vượt qua!” Nay thể vượt qua ý Thánh, cũng vượt luôn tình phàm, nên có thể hàng phục được. Lại như Trí Luận nói: “Ngoại trừ thật tướng của các pháp, còn lại đều là Ma sự của Bồ tát “. Nay, chứng đắc Bát-nhã nên có thể khế hợp với thật tướng. Vì thế mà vượt qua Ma sự.

- Số từ câu: “Đa phần tu tạo vô tướng. Đây là căn cứ vào phần đầu của địa” tiếp xuống: Là giải thích văn của luận nêu trên.

- Số từ câu: “Nhiếp Luận viết” tiếp xuống: Văn gồm ba:

Một: Dẫn Luận.

Hai: Từ câu: “Sự giải thích ấy” tiếp xuống: Là kết hợp giải thích.

Ba: Từ câu: “Bồ tát Vô tánh giải thích” tiếp xuống: Là nêu dẫn phần “Thích Luận” kia.

- Số từ câu: “Duy Thức gọi là” tiếp xuống: Văn ở đây gồm ba:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Do quán về mười bình đẳng” tiếp xuống: Là dùng kinh dựa theo luận.

Ba: Từ câu: “Do địa thứ sáu này” tiếp xuống: Là lại dẫn Duy Thức để biện minh về việc đoạn trừ hai Ngũ.

- Số từ câu: “Phần thứ hai là chính thức nêu bày” : Văn nơi phần Số giải gồm ba:

Một: Phân định tổng quát.

Hai: Từ câu: “Cũng là một phần” tiếp xuống: Là đối chiếu với trước để cùng thâm tóm.

Ba: Từ câu: “Nay lại dựa vào luận” tiếp xuống: Là chính thức dựa nơi luận để giải thích. Phần này gồm ba: Một là đối chiếu với trước để nhận định phân biệt. Hai là giải thích phần tên gọi. Ba là chính thức giải thích văn.

- Nay nói về phần “Một là” gồm ba chi tiết: Thứ nhất nêu lên tướng thù thắng. Thứ hai: câu “Tướng thù thắng là thế nào?” Là Số giả nêu lên. Thứ ba: Từ câu “Nghĩa là địa thứ bốn” tiếp xuống: Là giải thích, hiển bày tướng thù thắng, do các địa bốn, năm, sáu đều nhằm đối trị Mạn, do vậy đối với các mạn này. Đại sư Tuệ Viễn nói: Địa thứ tư, năm, sáu cùng là thuận nhãn, hành tướng mở rộng thì giống nhau, cho nên đối với các mạn này, cũng có lý tồn tại. Như vậy, ba địa trước đồng là Tín nhãn, tại sao không thể chung đối, và địa thứ bảy, tám, chín đồng

là vô sanh nhĩn, thì cũng vậy? Vì thế, phải dựa vào đối trị mạn chung đối các địa.

Phần sau nói “Dần dần vi tế” tức hiển bày trước là thô. Nêu ba địa này càng về sau càng vi tế hơn so với về trước nó.

Văn của Luận chỉ rõ ba Mạn, mà thô tế cùng ẩn giấu. Nay sẽ chỉ rõ:

- Địa thứ tư đối trị nơi địa thứ ba: Chúng sinh, ngã v.v dựa vào nơi thế gian dấy khởi. Mạn này là hết sức thô.

- Địa thứ năm đối trị nơi địa thứ tư về Thân tịnh mạn dựa nơi xuất thế dấy khởi, nên biết là dần dần vi tế.

- Địa thứ sáu đối trị mạn nơi địa thứ năm, cùng căn cứ nơi thế gian và xuất thế gian dấy khởi, nên lại càng vi tế

- Sở câu: “Chúng sinh, ngã mạn v.v...”: Tức dựa theo sự đối trị trong quả của địa thứ tư có bốn Mạn:

Một: “Lìa chấp trước chúng sanh ngã”: Nghĩa là lìa ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng.

Hai :”Lìa chấp trước pháp ngã”: Tức là uẩn xứ giới.

Ba: “Lìa mạn về giải pháp”: Kinh gọi là “Chấp trước” Luận nêu là “Ngã trí”.

Bốn: “Lìa mạn về chánh thọ”: Kinh gọi là “Hiện bày, ẩn giấu”. Luận gọi là “Lìa sự tu tập của Ngã, lìa đối tượng được tu tập của Ngã” v.v... Nay ở đây chỉ nói “Chúng sinh ngã mạn, giải pháp mạn”, do trong bốn thứ kia thì hai thứ đầu là gốc, hai thứ sau là chỗ dấy khởi mỗi thứ đều nêu lên một thứ đầu để thâm tóm lấy một thứ, nên lược không nói đến “Pháp mạn” cùng “Chánh thọ mạn”. Phần còn lại như nơi địa thứ tư đã nói rộng.

- Sở câu: “Mạn về Thân tịnh”: Trong địa thứ tư đạt được Trí xuất thế gian, tu tập bốn Niệm xứ, gọi là “Thân tịnh”.

- Sở từ câu: “Chỗ đối trị đã vi tế” tiếp xuống: Là nêu ra phần đầu là thù thắng. Nay dùng trước so sánh với sau, tức chẳng trụ nơi Hành cùng phần quả kia, nên cả hai đều thù thắng.

- Sở từ câu: “Mạn của Nhiễm, Tịnh” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích phần tên gọi (Phần một là đối chiếu với trước để nhân định, phân biệt gồm ba chi tiết). Tức là chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị của địa hiện tại. Gồm ba chi tiết:

Một: Nêu lên đối tượng được đối trị.

Hai: Biện giải về chủ thể đối trị.

Ba: Thông tỏ chỗ vướng mắc cho vấn nạn.

Một: Phần này gồm hai: Một là: Chính thức nêu lên chỗ nhiễm tịnh. Có thể nhận biết. Hai là: Từ câu “Lại, mười bình đẳng” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. Trước là nêu câu hỏi. Sau là giải đáp. Vấn nạn gồm hai câu, “Lần lượt mà dấy khởi” tiếp sau: Là phần đáp sẽ nhận biết.

- Sở từ câu: “Chỉ căn cứ vào nơi Tịnh mà nói” Tiếp xuống: Là phần giải đáp. Một câu trên đây là cùng giải đáp hai câu hỏi ở trước. Câu hỏi thứ nhất ở trên nói; Pháp của mười bình đẳng vì sao có nhiễm tịnh? Nên nay đáp: Mười bình đẳng trước chỉ dựa trên pháp tịnh tức pháp và bảy tịnh của Phật ở ba đời. Câu hỏi thứ hai ở trên nói: Địa thứ năm bắt đầu giữ lấy mười tướng thù thắng, do tùy thuận với đạo, Như mà làm chủ thể đối trị, Như há là nhiễm tịnh? Nên nay đáp: Cũng dựa vào Như của tịnh để phá mười tịnh trước vì đồng một Như.

- Sở câu: “Tướng nhiễm chưa mất, đối với nhiễm mà nói tịnh, cũng gọi là chấp giữ nơi Tịnh”. Đây là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn ngầm...

- Sở câu: “Nay dùng mười thứ pháp bình đẳng nơi nhiễm tịnh mà làm chủ thể đối trị”. Là chi tiết hai: Biện giải về chủ thể đối trị. Với một đối trị này các vấn nạn đều vắng lặng. Nghĩa là đã cho nhiễm tịnh là bình đẳng tức khác với mười tịnh bình đẳng của địa trước. Tức vấn nạn: Các địa trước quán về Như của tịnh, thì nạn nhiễm chấp nhận sanh khởi, tại sao lại có mạn tịnh? Nên nay đáp: Như của đối tượng quán đi vào quán thì có khả năng ra quán, tùy thuận có ấy, nên còn thấy tướng nhiễm. Tướng nhiễm đã tồn tại thì đối với Khổ tập nhiễm, trở lại sinh cái thấy về Diệt đạo của tướng tịnh. Cho nên, có Mạn này. Tuy có ba lớp biện hộ vấn nạn, mà tướng của nhiễm tịnh đều tồn tại.

Hai là Nhiễm Tịnh đã bình đẳng thì chẳng những chỉ có thể quán nơi “Như của tịnh”, mà còn cùng thông tỏ hai chỗ biện hộ giúp của vấn nạn hai, ba. Lại do phần nhiều tu tập Vô tướng, xuất Quán ít. Vì thế nên là chủ thể tối trị.

- Sở từ câu: “Sau quán về duyên khởi” tiếp xuống: Là chi tiết ba, thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Trên, dẫn trước vấn nạn sau. Nay, nêu dẫn sau để vấn nạn trước. Duyên khởi nghịch thuận đồng với tướng tịnh nhiễm của bốn đế ở trước. Cho nên đáp lại nói: Bước đầu của địa thứ năm có thể hội nhập nơi Tục đế, nhưng chỗ tỏ ngộ về không chưa sâu xa. Vô tướng của Bát-nhã thì tỏ ngộ về Không mới sâu rộng.

- Sở từ câu: “Mười câu trong phần nêu ra” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai phần:

Một: Giải thích riêng.

Hai: Nhận định, phân biệt.

- Sở câu: “Phần tổng quát nêu: Tất cả pháp”: Nơi kinh có ba ý: Thứ nhất Tất cả pháp là bình đẳng, là nói về Thể của pháp. Thứ hai Vô tướng là nhân của bình đẳng. Thứ ba Bình đẳng là nghĩa của chỗ thành tựu.

Trong phần riêng, bảy câu trước là dùng Không để loại trừ Có. Nhưng nơi phần Sở giải đã giải thích về bảy câu trước tự có năm ý:

Một: Dựa nơi Luận, câu chung là mười hai nhập. Tức mỗi nơi mỗi câu riêng đều là mười hai nhập. Tức Thể của mười hai Nhập là mười. Hai nhập là sinh khởi v.v...

Hai: Loại bỏ chung về mười hai Nhập. Theo nghĩa của ba tánh ở trên, thì câu một là loại trừ “Biến kế”. Cho nên gọi: “Ở đây là loại trừ sự phân biệt”. Phân biệt với tên gọi của “Biến kế” theo cách dịch xưa. bốn câu tiếp theo là phần nhiệm phần tịnh cùng loại trừ “Y tha”. Câu sáu, bảy đều loại trừ “Viên thành”. Văn nơi bản Sở giải tự nêu đủ.

Ba: Phá trừ Mạn của địa trước. Mạn dựa vào nơi bốn đế mà dấy khởi. Hai câu đầu là loại bỏ khổ, nên câu trước viết là “Tướng”. Câu hai gọi là Sinh, là quả Khổ nơi các nhập. Một câu tiếp theo là loại trừ Tập, vì là nhân thành tựu khổ đó. Câu thứ tư, là loại trừ Diệt, nên gọi: Chẳng phải là diệt trừ Hoặc mới là Tịnh. Câu thứ năm là loại trừ Đạo, nên viết: Tức là chỗ phân biệt của Đạo. Câu sáu, bảy cũng là loại trừ Diệt. Nhưng câu bốn là diệt trừ Hoặc gọi là diệt. Câu sáu, bảy tức hiển bày diệt của lý Diệt. Cho nên đều gọi là chân như.

Bốn: Căn cứ nơi quán về Tịnh tấn. Quả vị sau có quán về mười hai duyên. Ba câu trước là loại trừ về duyên khởi nhiệm, từ thể sinh tức là thức v.v... bảy khổ thành tức ba phiền não, hai nghiệp. Ba câu tiếp theo là loại trừ duyên khởi Tịnh. Tức câu bốn là loại trừ “Vô minh diệt Hành diệt v.v...”. Câu năm là loại trừ Trí của khả năng quán nghịch chiều. Câu sáu tức là chỗ hiển bày về Thể của Chân như. Câu bảy cùng loại trừ về nhiệm, tịnh, mà nhiệm tịnh bình đẳng.

Năm: Căn cứ vào năm pháp. Câu một là loại trừ tên gọi cùng với vọng tưởng gọi là phân biệt. ba câu tiếp theo là loại trừ tướng. Nhiệm Tịnh đều là Tướng. Câu năm là loại trừ “Chánh trí không phân biệt”. Câu sáu, bảy là loại trừ “Như Như”. Do là “Lấy, bỏ” nên xưa nay vốn tịch tĩnh. Nhưng Đại Sư Tuệ Viễn lại có một ý, nghĩa là căn cứ vào nơi ba Không.

Một câu đầu là loại trừ về Tướng phân biệt, tức là môn Không.

Năm câu giữa là loại bỏ về danh, tướng, là môn Vô Tướng.

Một câu sau cùng là loại trừ nguyên “Lấy bỏ” là hiển bày môn “Vô Nguyên”. Đây cùng với địa thứ nhất nghĩa giống nhau. Địa thứ nhất cùng môn Không đối trị sự phân biệt, dùng môn Vô Tướng để đối trị về Tướng. Dùng môn Vô Nguyên để đối trị chỗ “Lấy bỏ”. Đây chẳng phải là không có lý. Phần Sở giải cho mười câu đều chung cho ba không nên chẳng hiển bày, chỉ nêu về năm ý.

- Sở câu: Từ câu: “Chín câu trên” tiếp xuống: Là phần hai, nhận định phân biệt về tướng chung (phần một là giải thích riêng). Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Nêu rõ chỗ loại bỏ ba để hợp về một. Tức là loại trừ có, không và với cùng có không để hợp về trung đạo của chẳng phải có không.

Hai: Từ câu: “Lại nữa, bất nhị ấy tức chẳng hủy hoại có không” tiếp xuống: Là biện minh lần nữa về phần thứ chín thành nghĩa chẳng hủy hoại, có thể loại trừ cùng có không và cùng chẳng phải có không. Tức phân làm hai:

Thứ nhất: Do chẳng hủy hoại Có, Không, nên thành nghĩa “Cùng chẳng phải có, Không” để loại trừ “Cùng Có, Không”.

Thứ hai: Do chẳng hủy hoại Có, Không, nên thành nghĩa “Cùng Có, không” để loại trừ “Cùng chẳng phải Có, Không”.

Nay nói về phần thứ nhất: Trước hết nêu rõ về Bất nhị. Ý cho rằng: Nếu chẳng có “Có, Không” thì lấy gì là Bất nhị: Nên Kinh Đại Bát Niết-bàn viết: Nếu không có một hai thì làm sao nói chẳng phải là một, chẳng phải là hai?” Nên nghĩa “Bất nhị” thành nơi chẳng hủy hoại.

- Từ câu: “Tức là nói Không để loại bỏ nơi chấp Có” tiếp xuống: Là biện giải về Tướng, trong đó, trước hết nêu rõ về chẳng hủy hoại để thành tựu nghĩa “Cùng chẳng phải Có, Không”. Câu này nêu rõ về chẳng hủy hoại Không, mà chẳng phải là tướng nơi Không, nên Không chẳng phải là không.

- Câu: Nói Có là nhằm loại trừ mê chấp của Không”: Câu này nêu rõ về chẳng hủy hoại Có, mà chẳng phải là tồn tại nơi Có, nên Có là chẳng phải là Có. Do vậy thành tựu nghĩa “Cùng chẳng phải Có, Không”.

- Tiếp theo nói: “Có là chẳng khác với Có của Không. Không là chẳng khác với Không của Có”: Hai câu này hiển bày nghĩa bất nhị nơi tinh thành nghĩa chẳng hủy hoại.

- Tiếp theo, nói: “Không có cái Không, Có riêng biệt mà làm

hai”: Chính là loại trừ nghĩa “Cùng là Có, Không”.

- Số câu: Từ câu: “Lại nữa, đã là bất nhị thì cũng chẳng hủy hoại Có Không” tiếp xuống: Là phần hai, nêu rõ chẳng hủy hoại Có, Không để thành tựu nghĩa “Cùng là Có, không” loại trừ nghĩa “Cùng chẳng phải Có, Không”.

Hai câu trên là nêu lên.

- Từ câu: “Tức chẳng khác Có của Không là Có của chẳng có” tiếp xuống: Là phần hai, hiển bày về tướng. Câu này đem “Bất nhị” để lập “Có”.

- Tiếp theo, nói: “Chẳng khác với Không của Có là Không của chẳng Không”: Là đem phần “Chẳng khác” để lập “Không”. Chính là do “Bất nhị” nên chẳng hủy hoại. Chẳng hủy hoại tức là Không và Có cùng tồn tại. Cho nên tóm kết nói: Tức loại trừ “cùng chẳng phải có Không”.

- Số từ câu: “Đây chính là bốn luận chứng, trăm sự phủ định” tiếp xuống: Là tóm kết, tán thán. Nghĩa là, loại trừ bốn luận chứng ở trên. Lại nữa, mượn luận chứng “Cùng chẳng phải” để loại trừ luận chứng “Cùng là” chứ chẳng phải để thiết lập luận chứng “Cùng chẳng phải”. Nay thì đem luận chứng “Cùng là” để loại trừ luận chứng “Cùng chẳng phải” chứ chẳng phải để thiết lập luận chứng “Cùng là”.

Tuy loại trừ bốn luận chứng mà không hủy hoại bốn luận chứng do còn và mất không ngăn ngại. Vì thế đã tóm kết: “Bốn luận chứng, trăm sự phủ định, các kiến chấp đều dứt tuyệt”.

Nhưng Đại sư Tuệ Viễn chỉ nói về đoạn một, loại trừ ba hợp về một, cho rằng: “Đây cùng với mười một không nơi kinh đại Bát Niết-bàn đại thể là giống nhau. Đại sư cũng dùng tám Không trước, lấy không để loại bỏ Có. Không thứ chín thì dùng Có loại trừ Không. Không thứ mười thì dùng không để loại trừ “Cùng là Có, không”. Kinh kia là ở “Đại không” căn cứ theo Không, Thật để bàn. Cũng là một lý. Nghĩa của mười một không đến phần sau sẽ biện minh.

- Số câu: “Phần thứ tư: Biện giải về “Hành phân tề”: Văn gồm bốn:

Một: Giải thích tóm lược về văn của kinh.

Hai: Làm rõ về số, loại của Nhãn.

Ba: Lãnh hội chỗ giải thích về văn kinh.

Bốn: Làm sáng tỏ sự sai biệt của Nhãn.

- Số từ câu: “Trong kinh Nhân Vương” tiếp xuống: Là phần thứ hai, làm rõ về số, loại của Nhãn. Năm nhãn của kinh Nhân Vương

(Phục, Tín, Thuận, Vô sinh và Tịnh diệt), nêu ra các bậc chỉ thành mười bốn. Kinh Anh Lạc đã thêm một. Về tướng của năm Nhẫn, trong phần biện giải về sự sai biệt sẽ theo đây mà nêu ra.

- Số từ câu: “Nay địa thứ tư, năm, sáu đều đạt được Thuận Nhẫn” tiếp xuống là phần ba, lãnh hội chỗ giải thích văn kinh. Do Mạn có thô, tế, nên Nhẫn phân làm ba phẩm.

- Địa thứ tư đối trị “Chúng sinh ngã mạn”, “giải pháp mạn” là thô đạt Nhẫn hạ phẩm.

- Địa thứ năm đối trị về “Thân tịnh mạn”, đã vi tế hơn, đạt Nhẫn trung phẩm.

- Địa thứ sáu đối trị về “Nhiễm tịnh mạn”, là hết sức vi tế, đạt được Nhẫn thượng phẩm. Cho nên phần Số giải viết: “Đối trị Mạn vi tế, do đó gọi sáng rõ, sắc bén”. Sáng rõ nên không gì là không soi chiếu. Sắc bén nên không gì là không phá trừ.

Nhưng sự đối trị, do tập khởi tăng nên từ thấp đến cao. Chướng do đoạn trừ dần nên phải từ thô đến tế.

- Nói: “Thuận theo Nhẫn Vô sinh ở sau”: Thuận nhẫn có hai nghĩa:

Thứ nhất: Là thuận nơi pháp. Phẩm Thập nhẫn viết: “Pháp Có cũng thuận theo đây mà nhận biết. Pháp Không cũng vậy”.

Thứ hai: “Thuận nhẫn chưa chứng pháp Vô sinh, nên thuận theo Nhẫn ấy.”

Nay căn cứ theo quả vị mà nói, trước là nhân của sau, chính là thích hợp với chỗ giải thích ở đây. Do địa này phá trừ chấp tướng, hướng nhập vào cảnh chân thật, nên thuận theo Vô sinh Nhẫn của địa trên.

- Số từ câu: “Nhưng căn cứ nơi quả vị Thật” tiếp xuống: Là phần bốn, làm sáng tỏ sự sai biệt của Nhẫn. Văn nơi bản Số giải gồm ba:

Một: Biện minh tổng quát về chỗ dựa vào Thật chẳng đồng

Hai: Từ câu: “Dựa vào quả vị là do cái gì mà có” tiếp xuống: Là giả nêu dẫn câu hỏi

Ba: Từ câu: “Nghĩa là, nếu căn cứ nơi lý Không, Vô ngã” tiếp xuống: Là biện giải về tướng sai biệt. Phần này gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Biện minh về Tướng chung

Thứ hai: Làm rõ về Tướng riêng

Trong chi tiết thứ nhất nói “Chung” tức nêu rõ chỗ đạt được của địa thứ nhất. Nghĩa là địa thứ nhất đạt được Vô ngã, cũng được gọi là “Lý bình đẳng của không”. Cũng có thể gọi là Vô ngã của Vô sinh, tức là Vô sinh của Không. Địa thứ sáu gọi là Bình đẳng của Không cũng có

thể được gọi là Vô sinh. Lý của Vô ngã, bình đẳng của Không tức là Vô ngã của Không, Vô sinh. Địa thứ bảy trở lên đạt được Nhãn Vô sinh, cũng có thể được gọi là Vô ngã cùng Bình đẳng của Không. Do Lý của Vô sinh tức là Vô ngã cùng bình đẳng của không nên gọi là chung.

- Số từ câu: “Nay, chẳng đạt được” tiếp xuống: Là chi tiết hai, làm rõ về tướng riêng. Tức chẳng phải chỉ nơi địa thứ nhất chưa đạt được Nhãn ấy, mà địa thứ sáu này cũng chưa đạt được. Do căn cứ theo chỗ phân biệt về Lý Vô ngã cùng với Không và Vô sinh, cho ba tướng là khác.

Vấn nơi phần Số giải gồm hai:

Một : Nêu tổng quát

Hai: Từ câu: “Một là căn cứ nơi Không” tiếp xuống là giải thích. Có bốn môn tức phân làm bốn phần riêng.

Trong môn thứ nhất chính là chia ra. Trước căn cứ theo lý nơi nghĩa chung của Lý nên phần đầu là hiển bày về Vô ngã.

- Nói: “Phá bỏ tánh hiển bày Không”: Tức hoặc người hoặc pháp đều là Vô tánh nên Không. Đây tức là nghĩa hợp với Tín nhãn. Nêu trước để thấu tóm sau nên gọi là địa thứ nhất.

- Số câu: “Nay trong địa này phá bỏ Tướng, hướng về tịch diệt, gọi là bình đẳng không”: Tức đâu chỉ là tánh Không mà tướng cũng không còn. Cho nên văn của kinh viết: “Không tướng, không thể nên bình đẳng”. Chẳng phải chỉ có tướng Không mà tướng ấy cũng bị loại trừ, mới là “Lý chân không bình đẳng”. Nghĩa này chính là Thuận nhãn, nêu sau để thấu tóm trước, nên nghĩa bao quát cả địa thứ tư, năm.

- Số từ câu: “Nếu căn cứ theo sự chứng thật” tiếp xuống “Đây là Vô sinh nhãn, nêu trước để thấu tóm sau nên nghĩa bao quát cả địa thứ tám, chín.”

- Mà nói: “Chứng thật, trở lại đối chiếu”: Tức nơi hai nghĩa trên chỉ phá bỏ Tánh, Tướng của Không. Nay đã chứng đắc về Thật, trở lại đối chiếu với Tánh, Tướng, xưa nay luôn vắng lặng, đâu đợi phải phá bỏ xong mới nói là Vô ngã cùng bình đẳng - không?

- Nói: “Lý ấy dần dần thành sâu xa”: Tức trong chỗ bình đẳng Không nêu trên cũng kết hợp nói: “Nghĩa này dần dần sâu rộng”, nhưng văn đã lược không nêu.

- Số từ câu: “Như căn cứ chỗ khế hợp với gốc luôn tịnh diệt” tiếp xuống: Tức là nói về Tịnh diệt Nhãn, nêu trước thấu tóm sau, gọi là “sau địa thứ mười đạt được”.

- Nhưng nói: “Khế hợp với gốc luôn tịnh diệt” : Tức ở trước, Vô

sinh nhãn chứng đắc Thật, đối chiếu về Tướng, tức chỗ phá bỏ cùng với chỗ chứng đắc ở đây chưa đồng. Nay thì Tịch diệt nhãn kế hợp với sự luôn vắng lặng của chỗ phá bỏ cũng tức là chỗ chứng đắc nên gọi là: “Hết sức vi diệu”.

- Sở câu: Câu: “Hai là căn cứ theo Hành để phân biệt” Đây là căn cứ nơi sinh khởi, gọi là Sinh. Địa thứ bảy dấy khởi tức khắc, sao gọi là Vô sinh? Do dấy khởi Hành đều biến khắp, không thể có dấy khởi mới, nên gọi là “Vô sinh”.

- Sở câu: “Ba là căn cứ theo Có, Không”: cũng là sinh của sinh khởi, chẳng giống với Hành ở trước, tùy trong một Hành mà đủ Có, Không. Vào Quán khởi Không, ra Quán dấy có, khoảng dấy khởi ấy gọi là Sinh. Địa thứ bảy luôn ở nơi Quán, nhưng đi vào Có chẳng mê chấp nơi không, quán Không chẳng ngại nơi Có, nên xứng hợp với phương tiện. Lại không có chỗ khác nhau của Ra, Vào, nên gọi là “Vô sinh”.

- Sở : “Bốn là căn cứ nơi Tu để phân biệt”: Đây là căn cứ theo Sinh của sinh đã thuần thực. Sinh còn thô, trở ngại gọi là sinh. Thuần thực gọi là chẳng sinh. Địa thứ bảy hãy còn có sự dụng công, nên gọi là sinh thô, trở ngại. Địa thứ tám không còn dụng công, tự nhiên mà tăng tiến, nên gọi là thuần thực.

- Sở câu: “Phần thứ hai là chỗ thù thắng nơi Hành của Bất trụ đạo”: Văn gồm hai:

Một: Nhận xét tổng quát.

Hai: “ Từ câu: “ Nay nói về phần một” tiếp xuống: Là giải thích riêng.

Nhưng quán chung về cảnh Tâm, Đại sư Tuệ Viễn cho rằng căn cứ nơi phần đầu hội nhập nơi Tâm để biện minh về Bất trụ đạo.

- Từ câu: “Tạo sự suy niệm” tiếp xuống: Là dựa theo địa chính đang trụ để nêu rõ về Bất trụ đạo. Nay chỉ là nêu lên nên không dùng cách giải thích xưa.

- Sở câu: “Do trước quan sát tùy thuận đạt đến Bất trụ đạo”: Luận giải thích Kinh viết: Bồ tát ấy, quan sát về tất cả pháp như thế, tùy thuận để đạt đến”. Luận giải thích: Đạt đến Bất trụ đạo là Hành thù thắng. Nay Kinh lược không có câu: “Tùy thuận đạt đến”, mà nói “Quán như thế xong” ý tức là hợp có nên phần Sở giải dùng luận thấu tóm chỗ trước để giải thích.

- Sở từ câu: “ Nay nói về phần một trong ba pháp” tiếp xuống : Là lại giải thích chủ thể quán là ba Bi: Văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Chính thức giải thích văn.

Hai: Làm rõ thứ lớp.

Ba: Nhận định phân biệt về môn Nghĩa.

Trong phần một từ câu “Do tuy đồng Nhất Thiết trí quán” tiếp xuống: Là phần giải thích của Luận, chính là giải thích chữ “Thắng”. Nếu không có đại Bi tức là đồng với Nhị thừa, nay có Bi nên là hơn. (Thắng)

Nhưng “Nhất Thiết trí quán”: Tức là Kinh Đại Phẩm đã cho Thanh văn là Nhất Thiết Trí, Bồ tát gọi là Đạo chủng Trí, Như Lai là Nhất Thiết chủng trí. Đây tức là đối chiếu theo chiều ngang (không gian) về nhân quả của Đại, Tiểu, phân ra ba Trí ấy riêng biệt chẳng đồng. Nghĩa là Phật là Nhất Thiết chủng trí quán.

- Từ câu: “Ba đời lưu chuyển” là đem ý của Kinh, giải thích câu của Luận: “Không rời bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai. Câu “Chấn lia hữu vi” tức là phần sau nơi luận. Quán gọi là dựa nơi đại Bi làm đầu xác lập quán ấy.

- Từ câu: “Mà dùng đại bi” tiếp xuống: Là chính thức giải thích về nghĩa “Thắng”.

- Số từ câu: “Nghĩa là dùng đạo tướng trí quán” tiếp xuống là giải thích Luận. Tức tự trí của Bồ tát, chẳng những chỉ quán về ba đời mà còn đối chiếu với trên làm rõ chỗ thù thắng.

Tiếp theo nói: “Thấu rõ khắp các pháp” tiếp xuống: Là hợp với tướng để biện giải về chỗ thù thắng.

Nói: “Thấu rõ các pháp”: Tức hoặc trong hoặc ngoài, hữu vi, vô vi không gì là không nhận biết.

Từ câu: “Dùng đây để dẫn dắt trước” tiếp xuống: Là nêu rõ do Trí thù thắng nên chỗ thành tựu của Bi tăng trưởng.

- Số từ câu: “Nghĩa là dùng Nhất Thiết chủng Trí” tiếp xuống: Là giải thích Luận. Tức là Trí của Như Lai

- Số từ câu: “Ba Bi là thứ lớp” tiếp xuống: Là phần hai, làm rõ về thứ lớp.

- Số từ câu: “Căn cứ nơi văn hiện có của Luận” tiếp xuống: Là phần ba, nhận định phân biệt về môn Nghĩa.

Gồm ba chi tiết:

Một: Nêu rõ hai sự cứu giúp.

Hai: Biện minh về hai Lợi.

Biện minh về Bất trụ

Mà vẫn phân làm hai:

Thứ nhất: Biện minh riêng về môn thứ nhất.

Thứ hai: So sánh chung về ba môn.

- Nay nói về phần thứ nhất: Hai sự cứu giúp tự có hai nghĩa: Một là xét theo văn của Luận. Do văn trên nói “Đại Bi làm đầu”, “Chẳng rời bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai” tức là nghĩa Trí. “Đại bi thâm tóm” tức là nghĩa Bi. Bi cứu hộ hàng Tiểu thừa. Trí cứu vượt phiền não. Hai là phần sau chỉ nói: “Trong tất cả pháp, Trí thanh tịnh. “Nhất thiết chủng vi tế là nhân duyên tập khởi về Quán” nêu rõ là chỉ căn cứ nơi Trí.

- Sở từ câu: “Đã là ba cùng gọi là Bi” tiếp xuống: Là phần thứ hai so sánh chung về ba môn. Quán tức nhận rõ về phiền não là cứu giúp hàng phàm phu. Bi tức cứu hộ hàng Tiểu thừa. Hai sự cứu hộ tức gồm đủ hai Lợi. Có Trí nên chẳng trụ nơi sinh tử. Có Bi nên chẳng trụ nơi Niết-bàn. Do đó ba nghĩa đầy đủ.

- Sở câu: “Trước diệt sau sinh” tức Vô minh duyên Hành, Duyên trước đã diệt dẫn khởi cho duyên sau. Nếu trước chẳng diệt thì rơi vào Thường kiến. Nếu sau chẳng sinh tức là Đoạn kiến. “Vô minh duyên Hành” do trước diệt nên sau mới có thể sinh. Mười hai chi đều như thế.

- Sở câu: “Nói Nhiễm sinh Tịnh diệt”: Vô minh duyên Hành, Hành duyên thức” tức là Nhiễm sinh. “Vô minh diệt nên Hành diệt” đây là Tịnh diệt. Phần sau dẫn luận Tập Tập gọi là “Nhiễm Tịnh Quán”.

Lại, phần tiếp sau nơi Kinh viết: Do chấp trước nơi ngã nên thế gian sinh là sinh. Chẳng chấp trước nơi ngã tức không có chỗ sinh gọi là diệt.”

* Sở câu: “Thứ hai là biện minh riêng về tướng của Quán”: Văn nơi Sở giải gồm ba:

Một: Hiển bày chung về chỗ sâu, rộng.

Hai: Nêu Kinh để biện giải về chỗ sâu xa.

Ba: Dựa nơi Luận để phân định, giải thích.

- Nơi phần một lại chia làm ba chi tiết:

Thứ nhất: Nêu dẫn về ý chỉ sâu xa.

Thứ hai: Dẫn Luận để tóm lược, mở bày.

Thứ ba: Dung thông vô ngại.

Nay nói về chi tiết thứ nhất: Sở giải viết: “Nhưng nghĩa sâu xa của duyên khởi là tôn chỉ chính của giáo pháp Phật .”

Từ xưa, các bậc Tôn đức phần nhiều cho rằng tôn chỉ của ba giáo, Nho thì tôn chỉ nơi Ngũ thường, Đạo thì tôn chỉ nơi Tự nhiên. Phật thì tôn chỉ nơi nhân duyên.

Nhưng Lão tử tuy nói: “Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba,

ba sinh muôn vật”, giống như có nhân duyên, nhưng chẳng phải là nhân duyên chính xác.

- Nói “Đạo sinh một : Đạo đức là Hư vô tự nhiên. Sách Đạo đức kinh lại có câu: “Người dựa theo đất, đất dựa theo trời, trời dựa theo đạo. Đạo dựa theo tự nhiên”. Tức “Hư thông” gọi là đạo là “Tự nhiên nhi nhiên”. Đó tức tuy có nhân duyên nhưng cũng thành nghĩa tự nhiên. Phật pháp tuy có Vô sư Trí, Tự nhiên Trí, mà là chân lý thường trụ. Chính do nhờ duyên hiển bày, tức cũng là nhân duyên. Do đó giáo pháp nói ba đời tu Nhân kế hợp Qua. Kinh Lăng Già viết: “Bồ tát Đại Tuệ bạch Phật : Phật thuyết giảng về thường chẳng thể nghĩ bàn. Các hàng ngoại đạo kia cũng nói thường là chẳng thể nghĩ bàn, thế thì có gì khác nhau? Phật đáp: Các ngoại đạo kia chấp Không, Có là Thường không thể nghĩ bàn do không có Nhân. Còn ta nói thường là chẳng thể nghĩ bàn là có Nhân. Nhân nơi nội chứng há có thể cho là giống nhau?” Đó là chân thường cũng là hiển bày về nhân duyên.

Kinh Tịnh Danh viết: “Thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không. Do nhân duyên nên các pháp sinh.” Kinh Pháp Hoa cũng nói:

*“Chư Phật, Lương túc tôn
Biết pháp thường Vô tánh
Phật chủng từ duyên khởi
Do đó nói một Thừa”*

Phần sau Kinh viết: “Tất cả các pháp, Nhân duyên là gốc”
Trung luận nói:

*“Chưa từng có một pháp
Chẳng từ nhân duyên sinh
Do đó tất cả pháp
Không gì chẳng là Không”*

Tức Trung đạo của chân không cũng là nhân duyên. Cũng như thế, kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười sáu viết: Như Lai quán về tất cả các hành thấy đều là vô thường. Làm thế nào để nhận biết? Là do nhân duyên. Nếu tất cả pháp từ duyên sinh, tức biết là vô thường. Các ngoại đạo ấy chấp không có một pháp nào chẳng từ duyên sinh, cho nên là vô thường, tức ngoại đạo chấp có nhân duyên.”

Giải thích: Đây là nêu rõ ngoại đạo ở trong nhân duyên chấp nơi tướng của duyên cho là thường trụ. Do đó phá bỏ chấp ấy nên nói vô thường. Nay biện minh giáo pháp giảng giải về diệu lý của nhân duyên là gồm đủ cả thường, vô thường, đâu có thể cho là đồng? Huống chi lại nói về tông chỉ thì theo đa phần mà nói. Do đó nhân duyên là tôn chỉ

chính.

- Số câu: “Thừa, Trí, chỗ sai biệt của các bậc với cạn sâu nhiều loại”: Thừa là ba thừa, năm Thừa. “Ba Thừa quán duyên” đã nêu bày như phần trên. Năm Thừa thì Trời, người cũng lấy Giới, Thiện làm nhân duyên. Trí là Trí tuệ như với phần tiếp sau sẽ nêu dẫn.

Phần sau nói về Trí quán, tức đạt được quả vị giác ngộ của Thanh văn do trong Đại thừa đã phân nhân quả, nên Trí khác với Tiểu thừa. Nói cấp bậc là có hai ý:

Một: Tức như trên tóm kết: Tùy theo Thừa mà Trí khác.

Hai: Như một Bồ Đề, tùy theo chỗ quán có sâu, cạn.

Cũng có nhiều cấp bậc nên gọi là “Nhiều loại”.

- Số câu: “Bồ tát Long Thọ nói: Nhân duyên có hai”: Là chi tiết hai dẫn luận để mở bày tóm lược. Tức nơi văn của Thập nhị môn Luận nói: “Nghĩa là nước, đất, nhân công, thời tiết, hạt thóc là nhân duyên mà mầm được phát sinh... đều là nhân duyên bên ngoài.”

- Số từ câu: “Nhưng bên ngoài là do bên trong biến chuyển” tiếp xuống: Là chi tiết ba, nói về sự dung thông không ngăn ngại. Bên ngoài như các cõi khí thế gian, Thức bên trong biến chuyển tức khắc khiến quả tăng thượng. Cũng nhân nơi nghiệp của chính nó, nên gọi là “Biến đổi bên trong”

- Nói: “Gốc ngọn cùng nhau tóm: Trong tức là gốc, ngoài tức là ngọn. Do chính là nghĩa của Tâm, tức trong thấu tóm ngoài, dựa cảnh sinh tâm thì cũng thấu tóm trong. Nếu cho Pháp tánh là Gốc, thì Pháp tánh dung thông cùng do nơi duyên khởi. Tức hạt bụi bao hàm cái lớn lao, lông nơi thân dung nạp cả quốc độ. Do đầy hợp làm “Một duyên khởi lớn.”

- Số câu: “Nhiễm, Tịnh kết hợp thấu triệt, môn nghĩa chẳng phải là một, phần sau sẽ lược chỉ rõ”: Luận Du Già viết: “Thế nào là môn duyên khởi?” Nghĩa là dựa nơi tám môn duyên khởi để lưu chuyển:

Một: Nội thức sinh môn

Hai: Ngoại duyên thành thực môn.

Ba: Hữu tình thế gian sinh tử môn.

Bốn: Khí thế gian thành hoại môn.

Năm: Thực nhập trì môn.

Sáu: Tự sở tác nghiệp tăng thượng, thế lực thọ dụng tùy nghiệp sở đắc Ái phi Ái quả môn.

Bảy: Uy thế môn.

Tám: Thanh tịnh môn.

Giải thích: Luận không giải thích, nghĩa tóm lược có thể nhận biết.

- “Thanh Tịnh môn” tức Vô minh diệt Hành diệt v.v...

- Nói Uy thế môn tức dụng của thế lực nơi duyên sanh như Vô minh duyên Hành v.v...

- Nói: “Tự nghiệp sở tác” (chỗ tạo tác của Tự nghiệp) đều chính là tập khí của chi hữu.

- Nói: “Thực nhậm trì” tức bốn loại thực chẳng giống nhau, tùy theo chỗ chung riêng của cảnh giới.

- Nói: “Khí thế gian có thể nhận biết”.

- Nói: “Hữu tình là phân biệt với vô tình bên ngoài”

- Nói: “Cùng với môn Ngoại duyên”, như Luận đã nêu.

- Nói: “Nội thức sinh” Tập khí danh ngôn.

- Nói: “Phần sau sẽ tóm lược chỉ rõ”: Tức chẳng phải chỉ môn có tám nghĩa kia mà cũng phân tán vô lượng nơi Kinh. Phần Sơ giải đã theo văn giải thích cùng phần sau là giải thích về duyên khởi, tổng kết về ý của mười môn, thâu tóm mười làm năm, cho đến hiển bày Phật Tánh dung hợp làm “Nghĩa Duyên khởi lớn”.

Môn nghĩa đã phân tán, nay lại dựa theo “Bên trong” để lược chỉ rõ về Nhiễm, Tịnh.

Một: Duyên khởi của Nhiễm

Hai: Duyên khởi của Tịnh

Ba: Duyên khởi của Nhiễm Tịnh cùng dung thông.

- Ba duyên khởi này mỗi thứ đều có bốn môn. Bốn môn trong Nhiễm là:

Thứ nhất: Duyên tập nhất tâm

Thứ hai: Nhiếp bản từng mạt

Thứ ba: Nhiếp mạt quy bản

Thứ bốn: Bản mạt y trì

- Duyên khởi của Tịnh cũng có bốn môn:

Thứ nhất: Bản hữu

Thứ hai: Tu sinh

Thứ ba: Bản hữu tức tu sinh

Thứ bốn: Tu sinh tức bản hữu .

- Duyên khởi thứ ba “Nhiễm Tịnh cùng dung thông cũng có bốn môn:

Một: Ngược Nhiễm hiển Tịnh

Hai: Dùng Tịnh ứng Nhiễm

Ba: Hội Nhiễm tức Tịnh

Bốn: Nhiễm tận Tịnh hết môn.

Do các môn này cùng bao quát vô tận sự lý trong ngoài đều hợp làm “Một là “Pháp giới duyên khởi lớn không chướng ngại.”

- Số câu: Nay Văn kinh tóm lược phần bên trong để hiển bày mười lớp”: Là phần hai (của phần biện minh riêng về Tướng của Quán gồm ba phần) nêu dẫn kinh để hiển bày chỗ sâu xa.

Văn gồm hai phần:

Một: Phân định tổng quát về văn của Kinh. Văn gồm mười lớp để hiển bày vô tận.

Hai: Từ câu: “Đều có thuận nghịch tiếp xuống: Là lần lượt chia ra, hiển bày để biện giải về chỗ khó nghĩ bàn.

- Số câu: “Người xưa đã gồm luôn việc dùng quả kia”: ý của phần số không khen ngợi cách giải thích này, cũng không cho là chẳng phải. Cho nên nêu lên “Người xưa” mà không nói là bỏ, lấy. Nếu dựa nơi Nhiễm Tịnh với sự thuận nghịch thì thành bốn mươi lớp. Ba Quán nhân lên thành một trăm hai mươi lớp. Lý ấy là hiển nhiên.

- Số từ câu: “Luận nói về ba quán” tiếp xuống: Là phần ba dựa nơi Luận để phân định, giải thích. Văn gồm hai:

Một: Dựa nơi Luận để lập Quán.

Hai: Dùng Luận để lãnh hội Kinh.

- Trong phần một gồm sáu chi tiết:

Thứ nhất: Nêu ra tên gọi.

Thứ nhất: Từ câu: “Thứ nhất chỉ là quán về hai đế” tiếp xuống: Là giải thích về tướng, đều dùng ba Bi ở trước để kết hợp.

Thứ ba: Từ câu: “Một câu đầu tiếp xuống là đồng với Nhị thừa” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ đồng nơi hai trí của Kinh Đại Phẩm.

Thứ tư: Từ câu: “Nên Kinh đại Bát Niết-bàn nói” tiếp xuống: Là dùng Kinh đại Bát Niết-bàn để chứng minh, xác nhận. Kinh đã triển khai Giáo, Hành của Nhị thừa là chẳng đồng, khác với Nhị thừa trong Kinh Đại Phẩm nói. Hợp chỗ Lý nơi quả thì là một, nên hợp Nhị thừa. Nghĩa đều phù hợp với đây nên được cùng nêu dẫn.

Thứ năm: Từ câu: “Chỗ căn cứ ở trước là vật” tiếp xuống: Là giải thích để thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức có vấn nạn: “Kinh nói ba Bi, luận nói ba Quán. Há được nêu dẫn ở trước để thành sự nêu bày ở đây?

Thứ sáu: Từ câu: “Dùng hợp ba Quán này” tiếp xuống: Là dung thông được hiển bày chỗ thù thắng.

- Nói: “Ba Quán một Tâm” Tức giống với Không, Giả, Trung. Một người “Đốn tu” chẳng phải là căn cứ nơi Thừa để phân biệt.

- Nói: “Bát-nhã hết mực sâu xa”: Bát-nhã có hai:

Một là chung. Như nói: “Muốn đạt được Thanh văn thừa cần phải tu học Bát-nhã.” Kinh Pháp Hoa viết: “Tất cả các pháp thấy đều rỗng lặng, không sinh không diệt, không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi”. Tư duy như thế chẳng sinh mừng vui...” Tức là Bát-nhã chung. Đây gọi là cạn.

Hai: Nay, Bi Trí cùng vận hành, Lú sự đều quán chiếu, sự phát khởi ấy tức là Bát-nhã chẳng chung, là rất sâu xa.

- Sở từ câu: “Nhưng Luận nói về ba quán tuy đã giải thích khắp Kinh” tiếp xuống: Là phần dùng Luận để lãnh hội Kinh (phần một là nêu ra tên gọi, gồm sáu chi tiết).

- Phần này gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu dẫn

Hai là: Giải thích riêng về chỗ chia, hợp của ba quán.

Ba là: phân biệt về hai Lợi

Nay nói về chi tiết một: câu “Cùng với mười môn có sự chia hợp”: Như nơi Quán đầu tiên đã thu gọn chung mười môn làm ba, tức Kinh chia mà Luận hợp. Nhưng phân “Chỗ thu tóm nơi một tâm” của Quán thứ hai, nửa trước là nghĩa thứ nhất, tức Kinh hợp mà Luận chia. Về Quán thứ ba chia ra môn đầu, nửa trước là quán về phân biệt Nhiễm Tịnh, nửa sau thuộc về y chỉ quán, tức Kinh hợp mà luận chia. Do hai môn tám, chín là quán “Vô thủy”, tức Kinh chia mà Luận hợp.

- Sở từ câu: “Một là Nhất thiết Trí Quán”: Là chi tiết hai, giải thích riêng về chỗ chia, hợp của ba Quán. Quán thứ nhất có hai:

Một: Chính thức biện minh

Hai: Từ câu: “Sở dĩ phân làm ba: Tiếp xuống: Là nêu ra lý do.

Nay nói về phần một:

- Nói: “Môn thứ nhất trong mười môn”: Tức là môn “Chi Hữu tương tục” (môn thứ nhất: Sự tương tục của chi hữu)

- “Hai là: Thu tóm một nửa của môn thứ hai”: Tức là “Nhiếp quy nhất tâm” (môn thứ hai: Thu tóm quy về một Tâm). Nửa trước nơi Kinh viết: “Phật tử! Đại Bồ tát này lại suy niệm: Ba cõi vốn có đây chỉ là một Tâm”

- Ba là: “Thu tóm tám môn và nửa còn lại”: Một nửa tức là trong môn thứ hai: Nhiếp quy nhất Tâm, từ Như Lai ở nơi đây phân biệt, diễn nói cho đến hết môn thứ mười.

- Sở câu:” Thứ hai là trong phần đại Bi tùy thuận quán”: Cũng

gồm hai:

Một : Chính thức biện minh

Hai: Nêu ra lý do.

- Nay nói về phần một:

Một là “Quán chúng sinh ngu si điên đảo” tức là si mê về Tánh Tướng, điên đảo chấp về ngã sở.

Hai là “Nơi chốn còn lại cầu giải thoát” tức hàng phàm phu ngu si điên đảo thường ở trong thức Lại da, và thức A-đà-na cầu đạt giải thoát, nên ở nơi chốn khác là ngã, ngã sở cầu đạt giải thoát.

Môn thứ hai là nhất Tâm nêu rõ chính là một Tâm, có thể ở trong đó cầu “Ngoài Tâm không còn có pháp.”

- Số câu: “Ba là dị đạo cầu đạt giải thoát”: Luận viết: “Nhân của điên đảo ở đây có bốn thứ:

Một : Nhân của Minh Tánh

Hai: Nhân của đấng Tự Tại

Ba: Nhân của Khổ hạnh

Bốn: Nhân Không có.”

- Như phần tiếp theo dùng bốn môn để phá bỏ.

Một là: Môn “Tự nghiệp trợ thành” (Từ nơi nghiệp mà thành) biện minh về chi Hữu, đều có hai loại, do nghiệp là chủ thể sinh khởi, chẳng phải là do “Minh tánh.”

Hai là: Môn “Không rời bỏ nhau nêu rõ do vô minh v.v... là nhân của Hành v.v... chẳng phải là do đấng Tự tại

Ba là: Môn “Ba cõi chẳng đoạn” biện minh Nghiệp Hoặc chính là nhân của Khổ. Muốn cầu đoạn thoát khổ thì phải đoạn trừ Nghiệp Hoặc. Trái lại tu khổ hạnh là đẩy khởi vọng nghiệp, chấp nơi hạnh khổ, Tâm đầy những phiền não, như thế là vọng tưởng, đâu phải là nhân của giải thoát?

Bốn là: Môn “Ba đời xoay vòng” tức là đã cho hai chi của “đời trước” là nhân của năm chi nơi “Đời giữa”. ba chi của “Đời giữa” là nhân của hai chi nơi “Đời sau”. sao có thể cho là nhân không có?

- Số từ câu: “Bốn là cầu sự giải thoát khác, thấu tóm bốn môn sau.

Tức do chẳng biết về giải thoát chân chính tìm cầu nơi khổ v.v... của ba cõi là giải thoát, gọi là “Cầu giải thoát khác.”

“Giải thoát chân chính có bốn thứ Tướng”

Một: Tướng lìa tất cả khổ

Hai: Tướng vô vi

Ba: Tướng xa lìa mọi cấu nhiễm

Bốn: Tướng xuất thế gian.

Bốn tướng này tức là bốn đức của Niết-bàn: Lạc, Thường, Tịnh, Ngã.

Phần tiếp sau dùng bốn đoạn để phá trừ chỗ điên đảo về bốn đức:

Thứ nhất: Tức môn thứ bảy, ba khổ tập thành, chỉ có vọng khổ, không có lạc chân chính

Thứ hai: Tức môn thứ tám, nhân duyên sinh diệt, không có đức Thường

Thứ ba: Tức môn thứ chín, sinh diệt trói buộc, chỉ là sự trói buộc của Nhiễm, không có đức Tịnh.

Thứ tư: Tức môn thứ mười, Tùy thuận, không có chỗ tận cùng, do thuận mà có nên chẳng phải là xuất thế gian, do đó không có đức Ngã.

- Số từ câu: “Bốn môn này” tiếp xuống: Là phần hai nêu ra lý do của bốn môn, cũng là phân biệt về tướng riêng của bốn môn.

- Số câu: “Thứ ba là quán của Nhất thiết tướng Trí”: Thâu tóm mười môn làm chín quán.

Một: “Quán phân biệt về Nhiễm-Tịnh”: Tức cho duyên sinh của Ngã là Nhiễm, duyên diệt của Ngã là Tịnh.

Hai: “Quán về sự nương tựa”: Thâu tóm nửa sau môn thứ nhất cùng với môn thứ hai. Tức môn thứ nhất có hai: Từ chữ “Phật tử!” ở sau, nêu rõ do mê chân khởi vọng duyên nơi Tướng. Nửa môn tiếp theo biện minh dựa nơi Đệ nhất nghĩa. Do chẳng nhận biết nên dấy khởi các duyên là Nhiễm. Dựa nơi môn thứ hai nêu rõ việc thấy Đệ nhất nghĩa, các duyên chuyển diệt, nên là chỗ dựa của Tịnh.

Ba: “Quán về phương tiện”: Tức là môn thứ ba: Tự nghiệp trợ thành” nghĩa là chi Hữu của nhân duyên đều có hai nghiệp, là dấy khởi phương tiện sau. Nếu càng về trước diệt thì càng về sau chẳng sinh, là phương tiện giải thoát.

Bốn: “Quán về tướng nhân duyên”: Là môn thứ tư: “Chẳng cùng lìa bỏ nhau”.

Năm: “Quán về hội nhập đế”: Tức là môn thứ năm: “Ba đạo chẳng đoạn trừ”. Ba đạo nơi khổ, Tập Đế. Quán nghịch tức là Diệt, Đạo đế.

Sáu: “Quán về lực, không lực, tin nhập, nương tựa”: Tức là môn thứ sáu: “Ba đời xoay vòng”. Ba đời này bên nghĩa của Nhân gọi là có lực, là bên nghĩa của Quả gọi là không lực. Nếu căn cứ ở ba đời, thì đời trước, ở nơi năm chi hiện tại là “Có lực”. Ở nơi hai chi vị lai là “Không

lực”. Đồi giữa, Ái v.v... ở nơi vị lai là “Có lực”, ở nơi hiện tại là “Không lực”. Dùng ba đời này giáo hóa hàng phàm phu, khiến tin, nhập dựa vào đấy mà hành.

Bảy: “Quán về tin nhập của tăng thượng mạn và không phải tăng thượng mạn”: Tức môn thứ bảy: “Ba Khổ Tập thành”. Không biết như thật về Khổ nhỏ nhiệm nên Ngã mạn tức tăng thượng mạn. Nếu biết về khổ nhỏ nhiệm thì không phải tăng thượng mạn. Không biết làm cho biết gọi là Tin nhập.

Tám: “Quán về vô thí”: Đây có hai ý: Một là căn cứ nơi tục đế mà nói, nhân duyên là gốc của sinh diệt. Sinh tử không có biên vực nên nhân duyên cũng không có khởi đầu (vô thí). Hai là căn cứ Chân đế mà nói, thấy pháp duyên Tập không có tánh gốc có thể làm chỗ nương tựa, nên gọi là không có khởi đầu.

“Thâu tóm hai môn tám, chín”: Môn thứ tám là nhân duyên sinh diệt, song một niệm duyên sinh tức là chẳng sinh, nên gọi là “Vô thí”. Môn thứ chín tùy thuận chuyển biến, mà sinh chẳng phải là có gốc.

Chín: “Quán về đủ thứ đủ loại” thâu tóm môn thứ mười, tức môn “Tùy thuận chỗ không hề có tận cùng”. Do tùy thuận chỗ có tận cùng nên có sự khác biệt của ái v.v... nơi cõi Dục, Sắc. Vì thế gọi là “Đủ thứ đủ loại”.

- Sở từ câu: “Nhưng nơi ba Quán kia đều chung cả hai lợi” tiếp xuống: Là chi tiết thứ ba (của phần hai: Dùng Luận để lãnh hội kinh): Phân biệt về hai lợi. Ba Quán là ba phần. Nơi Quán thứ ba gồm hai:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Từ câu: “Trong đó phân biệt” tiếp xuống: Là biện minh riêng.

- Nói “Hai môn tiếp theo là lợi tha”: Tức môn thứ sáu: Lực, không lực, cùng môn thứ bảy là tăng thượng mạn. Đều khiến cho người khác tin tưởng, hội nhập.

- Nói “Môn thứ nhất, thứ hai là chung cả nhiễm tịnh”: Môn thứ nhất gọi là “Phân biệt nhiễm tịnh”. Môn tiếp theo, mê là chỗ dựa của nhiễm, ngộ là chỗ dựa của tịnh. Cho nên phần Sở giải nêu: “Một là chỉ rõ tướng nhiễm tịnh. Hai là chỉ rõ chỗ dựa của nhiễm tịnh”.

- Sở câu: “Ba môn sau chỉ quán về nhiễm”: Do Quán thứ ba là quán về phương tiện:

“Một là nhân của pháp nhiễm” tức tự nghiệp trợ thành. Văn ở trên nói: “Cũng là phương tiện giải thoát” tức căn cứ theo Quán nghịch mà nói, gốc nêu rõ pháp Nhiễm.

- Nói: “Hai là duyên của pháp Nhiễm”: Tức quán thứ tư là quán về tướng Nhân duyên. Quán ở trước là căn cứ nơi nghiệp, do gần nên có thể phát sinh phần sau, do vậy gọi là nhân. Nay thì căn cứ nơi sự trợ thành chẳng cùng lìa bỏ, nên gọi là duyên.

- Nói: “Một quán sau là căn cứ nơi Nhiễm để quán về lỗi lầm”: Do nhập nơi quán về đế chính là căn cứ theo quán thuận, chỉ là Khổ, Tập.

- Số câu: “Trong hai quán tiếp theo là lợi tha”: có lực, không lực khiến hàng phàm phu tin tưởng, hội nhập. Phát sinh nghĩa chủ thể, đối tượng, tức là tăng thượng mạn chẳng phải tăng thượng mạn khiến hàng Tiểu thừa tin, nhập. Do hành khổ vi tế nên Nhị thừa không nhận biết.

- Số câu: “Thứ nhất là quán về chân đế”: Trên là giải thích về vô thỉ, tuy chung cả hai nghĩa nhưng căn cứ nơi chân là chính.

“Hai là quán về Tục đế”: Tức có vô số thứ loại.

- Số từ câu: “Phần tiếp theo là chính thức giải thích văn” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích văn. Gồm ba:

Một: Chỉ rõ tổng quát để giải thích nghĩa

Hai: Nêu lên tính chất “phân tề” của văn.

Ba: Dựa nơi Luận để phân định, giải thích.

Nay nói về phần một: Nói: “Đều dùng ba quán để giải thích, lại không có lý riêng.” Tức nhân chỗ giải thích của bậc cổ đức gồm có bốn lớp: Một là giải thích thẳng về Văn kinh. Sau mới dựa nơi Luận nói về ba quán để giải thích lần nữa. Chẳng rõ chỗ giải thích thẳng kia gọi là Quán gì. Đã không có quán riêng, như thế thì khác với Luận ra sao? Ví như có quán riêng thì lại chẳng nêu ra tên gọi, cũng khiến cho Luận chủ giải thích chưa hết lý, nên gọi là “Chỉ dùng ba quán để giải thích”, lại không có lý riêng”.

- Số từ câu: “Mười đoạn của Kinh “ tiếp xuống: Là phần hai chỉ rõ tính chất phân tề nơi văn.

- Số từ câu: “Thứ nhất là dựa theo Tướng nơi đế” tiếp xuống: Là phần ba, dựa nơi Luận để phân định, giải thích. Cũng gồm ba chi tiết:

Một: Dựa nơi Luận để chính thức phân định.

Hai: Từ câu: “Ba pháp này nếu đối chiếu với mười môn” tiếp xuống: Là giải thích chung về ba ý.

Ba: Từ câu: Nay “Thứ nhất, Thành là” tiếp xuống: Là chính thức giải thích văn của Kinh. Lại gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu tổng quát ý của văn

Hai là: Biện giải xác định chỗ phá trừ

Ba là: Giải thích văn.

- Chi tiết “một là” có thể nhận biết.

- Sở câu: “Đây là chính thức phá trừ tập khí của Ngã chấp”: Là chi tiết hai biện giải xác định phá trừ. Tức nơi Luận Duy Thức quyển tám, giải thích chỗ vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Nếu không có duyên bên ngoài, vì sao chúng sinh luôn nối tiếp nơi sinh tử?” Nên có tụng:

*“Do tập khí các nghiệp
Hai thủ cùng tập khí
Dị thực trước đã hết
Lại sinh dị thực khác?”*

Giải thích: Phần sau dùng ý để giải thích sự huân tập phần tập khí gọi là Tập khí, tức là chủng tử nơi các nghiệp. Tập khí là tội lỗi nơi ba nghiệp.

- Câu: “Hai thủ tập khí” gồm có bốn thứ: Một là Tướng, kiến. Hai là danh sắc. Ba là tâm và tâm sở. Bốn là gốc ngọn. Dị thực của thức thứ tám gọi là gốc. Dị thực của thức thứ sáu gọi là ngọn. Nghiệp là tăng thượng duyên. Hai là dùng nhân duyên hỗ tương để trợ thành, nên sanh tử lưu chuyển. Đây là nghĩa của vị thứ nhất. Vị thứ hai cho rằng: Sinh tử nối tiếp là do các tập khí. Nhưng các tập khí gồm có ba thứ: Phần tiếp theo đều dùng nghĩa để nêu dẫn. Một là tập khí của danh ngôn. Hai là tập khí của ngã chấp. Ba là tập khí của chi Hữu.

“Tập khí chi Hữu” tức nhận lấy nghiệp chủng của dị thực nơi ba cõi. Diễn rộng như nơi phần tiếp sau đã nêu rõ.

“Tập khí của danh ngôn”: Như trước đã nhiều lần nêu dẫn. Tức như phần tiếp sau của kinh viết: “Ở trong ruộng đất của ba cõi đã gieo trồng chủng tử của tâm”.

“Tập khí của ngã chấp”: Phần tiếp sau dẫn đủ văn của Luận. Tức là do vọng chấp nơi chủng tử của Ngã, Ngã sở. Ngã chấp có hai:

- “Ngã chấp câu sinh”: Tức loại Ngã, Ngã sở chấp do Tu đạo đoạn trừ

- “Ngã chấp phân biệt”: Tức loại Ngã, Ngã sở chấp do Kiến đạo đoạn trừ

“Tùy theo chỗ huân tập của hai Ngã chấp mà thành chủng tử, khiến các chúng sinh có sự sai biệt về mình, kẻ khác.”

Giải thích: “Ngã chấp câu sinh” thì chung cho thức thứ sáu, bảy. Còn “Ngã chấp phân biệt” thì chỉ có hai thức thứ sáu. Nhân nơi Ngã chấp nên trong tướng phần cũng huân tập chủng tử của năm uẩn, tức danh ngôn huân tập chủng tử của ngã chấp. Khiến mình, kẻ khác có sự

phân biệt. Lập riêng như thế Ngã chấp của chi Hữu đều là tăng thượng duyên. Tụng nêu rõ hai Thủ và tập khí tức là Ngã chấp, danh ngôn chấp lấy Ngã, Ngã sở và chấp lấy danh ngôn nên đều gọi là hai Thủ. Giải thích: Kinh nay phá Ngã chấp này, cũng tức là tụng nơi Câu xá Luận nói: “Đời ở giữa, trước sau, để trừ ngu si mê hoặc của người khác, vì ngu si ba đời đều ngu ở Ngã. Như trong phần nói ba đời luân hồi ở sau đã giải thích trong luận Du Già cũng trừ bỏ ngu si mê hoặc ba đời; đối với ngã thì đồng với Luận câu xá. Lại Luận ấy nói: Trừ bỏ ngu si ba đời, trừ bỏ vô tri bên trong, nếu trừ bỏ vô tri về phi tình tức trừ bỏ Ngã sở. Nay phá chấp hai Ngã để hiển bày hai không.

- Sở từ câu: “Hai câu trong văn” tiếp xuống: Là chi tiết ba, giải thích văn của kinh. Gồm ba phần :

Một: Giải thích tóm lược.

Hai: Nêu chỗ Luận giải thích kinh để kết hợp giải thích.

Ba: Nêu Luận để trưng dẫn ngược lại.

- Phần một gồm hai:

Một là chính thức giải thích.

Hai là: Từ câu: “Đây là thuận theo văn kinh”, tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận.

- Nay phần một nói: “Chỉ là Khổ, Tập”: Nghĩa là sự thọ sinh nơi thế gian là Vọng Khổ, Tâm của sự chấp trước ngã tức là nhân của Tập. Câu: “Nên là Diệt, Đạo”: Nếu lìa bỏ chấp trước ấy tức là Đạo đế, thì xứ Vô sinh tức là Diệt đế.

- Sở từ câu: “Luận giải thích kinh nói” tiếp xuống: Là phần hai, nêu chỗ Luận giải thích kinh để kết hợp giải thích, thông tỏ. Gồm bốn:

Một: Nêu chỗ Luận giải thích kinh.

Hai: Từ câu: “Do tập khí của Ngã chấp” tiếp xuống: Là dùng ý của Duy Thức để giải thích, xác nhận chỗ Luận giải thích kinh.

Ba: Từ câu: “Nên Luận viết” tiếp xuống: Là nêu Luận gốc để tự giải thích. Đã nói trong năm nẻo vốn có các sinh tử, rõ là biết trong mỗi một nẻo có nghĩa sai biệt của thân mình và loài khác.

Bốn: Từ câu: “Như năm nẻo sai biệt” tiếp xuống: Là do tập khí của nghiệp thành chấp ngã ở trên. Song nghĩa khiến cho “Tự mình và kẻ khác có sự sai biệt”, tức là nghiệp có thể khiến cho mình và kẻ khác cùng có, hoặc người, hoặc Trời, với khổ vui nơi sáu cõi, là tập khí của chi Hữu. Nếu tập khí của Ngã chấp thì cũng do hai Thủ thâm tóm, đã như chỗ biện giải ở trên.

- Sở từ câu: “Lại, Luận chủ trưng dẫn ngược lại” tiếp xuống: Là

nêu Luận để trưng dẫn ngược lại, giải thích. Gồm ba:

Một: Giải thích tổng quát.

Hai: Nêu dẫn riêng để giải thích.

Ba: Tóm kết, xác nhận về Vô ngã.

- Số từ câu: “Một là nêu dẫn chỗ chấp trước nơi ngã” tiếp xuống:

Là phần hai, nêu dẫn riêng để giải thích. Có hai câu:

Thứ nhất: Nêu chỗ thọ sinh của thế gian đều do chấp ngã.

Thứ hai: Nêu, nếu lìa chỗ chấp ấy, tức là xứ Vô sinh.

- Nay nói về phần thứ nhất gồm hai:

Một là: Nêu lên.

Hai là từ câu: “Nếu trong Đệ nhất nghĩa” tiếp xuống: Là nêu Luận để giải thích lần nữa. Nhưng luận chỉ nói: Nếu chỉ nói: “Nếu trong Đệ nhất nghĩa để thực có tướng Ngã, thì tâm chấp trước tướng Ngã ấy là Trí của Đệ nhất nghĩa, không nên là chỗ thân thọ sinh của Thế gian”.

- Số có hai cách giải thích:

Một: Dựa theo Bách Luận với cách diễn đạt về Giả lập phủ định để giải thích.

Hai: Dựa nơi Luận Nhân Minh để lập Lượng, do trong phần giải, giải thích ở trước, luôn lược bớt văn của luận, ở đây chia làm ba đoạn, gồm luôn với phần Số giải là bốn:

Thứ nhất: Câu đầu là xác định.

Thứ hai: Câu tiếp theo là giả lập.

Thứ ba: Câu sau là chính thức nêu dẫn.

Thứ tư: Từ câu “Do đâu mà chấp Ngã” tiếp xuống: Tức phần Số giải nêu dẫn Kinh để hỏi ngược lại, nhằm tóm kết, phá trừ.

Chỉ xem phần văn của Luận vừa dẫn là tự phân ra chủ, khách. Nhưng, thế nào là tóm kết phá trừ? Có hai ý:

Một là: Tóm kết, xác nhận về sự giả lập để phá trừ. Giả lập về chỗ có ngã dễ thành lỗi lầm, nên nêu dẫn Kinh để xác nhận bằng cách nói ngược lại.

Hai là: Chấp ngã đã là chỗ sinh của thế gian. Cho nên biết rõ tâm chấp ngã chẳng phải là trí của Đệ nhất nghĩa. Ngã của đối tượng được chấp trước chẳng phải là Đệ nhất nghĩa, tức nêu rõ về lý vô ngã, là phá trừ bằng cách phủ nhận về ngã.

- Số từ câu: “Trong đó nên xác lập về lỗi” tiếp xuống: Là cách giải thích thứ hai, dựa theo cách lập Lượng của luận Nhân Minh để phá trừ. Văn nơi phần Số giải đã nêu đủ. Nhưng ý chung nói: Ngã của

Đệ nhất nghĩa là pháp hữu, phàm phu nên đồng với Thánh là pháp của Tông, cho Ngã là duy trì pháp của tự tánh. Có pháp trong tông là phàm kia tương ứng với. Thánh, thì cùng với pháp Hữu hòa hợp làm Tông. Nhân là vì có trí của Ngã thật trong Đệ nhất nghĩa. Đồng dụ như Thánh nhân sanh tập, ba chi trên đã đủ, thì phàm nên đồng với Thánh. Câu này kết hợp nên nói: Thánh nhân sanh tận nên có Trí thật. Thánh nhân sanh tận chính là Thánh nhân. Phàm phu đã có trí thật nên cũng đồng với Thánh nhân chính là Thánh nhân. Mà nói sanh tận là để ngăn chặn lỗi bất định. Nếu chỉ nói Thánh nhân không nói sanh tận thì sợ có người sẽ hỏi: Là bằng như Thánh nhân Tu đà hoàn với bảy lần thọ sinh trở lại ư? Hay bằng như A-la-hán sanh Ta đã tận ư? Nên xác định chọn lấy câu sau. Địa thứ tám của Đại thừa đốn ngộ trở lên tức đồng với A-la-hán. Sơ địa tiệm ngộ chấp nhận sự sanh tận đó. Từ phàm đã đồng với Thánh thì có lỗi thành một. Phàm nên đồng với Thánh thì có lỗi tạp loạn. Nay nói không có Thánh nhân thì có lỗi đoạn diệt.

- Sở từ câu: “Tiếp theo là trưng dẫn ngược lại, câu sau là” tiếp xuống: Đây là trưng dẫn ngược lại lần thứ hai câu: “Nếu lìa sự chấp trước ấy tức là xứ Vô sinh”. Văn gồm hai phần:

Một: Nêu lên

Hai: Từ câu: “Lại nữa” tiếp xuống: Là lập lại Luận để giải thích. Nhưng Luận chỉ nói: “Nếu trong Đệ nhất nghĩa có tướng của ngã. Nếu lìa chấp ngã tức nên thường sinh nơi thế gian”. Nay sở cũng có hai lớp giải thích, văn có khác chút ít với trước, được phân làm ba:

Thứ nhất: Dùng cách diễn đạt giả lập, phủ định của Bách luận để giải thích .

Thứ hai: Dùng cách lập Lượng của Nhân Minh để giải thích.

Thứ ba: Nêu Kinh để cùng tóm kết. Chất vấn ngược lại để phá bỏ. Nơi phần thứ nhất, rõ ràng là dựa theo luận ở trước, cũng nên có ba phần, nhưng văn tóm lược, gồm luôn cả phần Sở giải là ba:

Một là: Xét định rõ chỗ chấp.

Hai là: Câu: “Nếu lìa chấp ngã ấy nên thường sinh nơi thế gian.” Tức dùng Lý để chính thức trưng dẫn.

Ba là: Từ câu: Do chẳng xứng hợp với thật” tiếp xuống: Là Sở giải thích ý của luận. Tức đồng với phần thứ hai trước, ngược lại dùng giả thiết để lập. Nhưng Luận bao hàm ở trước, trong câu: “Nếu lìa sự chấp trước ấy”. Tức là trong Đệ nhất nghĩa thật có ngã dùng làm chân lý, nay lìa chấp ngã, tức không còn xứng hợp với Lý, đồng với phàm phu vọng chấp trái lý. Đây tức cách giả lập đã thành.

- Số từ câu: Trong đó, nên làm: Tiếp xuống: Là phần thứ hai, dùng cách lập lượng của Nhân Minh để phá trừ. Phá nên nói rằng: Trong Đệ nhất nghĩa thật có Ngã tức là pháp Hữu, Thánh nên đồng với Phàm là pháp của tông. Nhân là vì có mê hoặc điên đảo về lý vô ngã. Đồng dụ là nói bằng như các phàm phu. Tức ba chi đã đủ (Tông, Nhân, Dụ) Số nói: Đây là kết luận Thánh nên đồng với phàm, tức kết hợp lại. Phải nói: Phàm phu có mê hoặc điên đảo thì phàm phu là phàm phu. Thánh nhân có điên đảo mê hoặc thì đồng với phàm phu kia, tức phàm phu thành lỗi tạp loạn.

Đoạn tiếp viết theo: “Thánh đã đồng với phàm” tiếp xuống: Là nêu ra tóm kết về lỗi lầm là một thành lỗi của đoạn diệt.

- Số từ câu: “Là do kinh nói” tiếp xuống: Là phần thứ ba, nêu kinh để cùng tóm kết, chất vấn ngược lại để phá bỏ.

- Nói “Cùng tóm kết”: Là cùng tóm kết về Bách Luận và Nhân minh.

Bách Luận kết rằng: Ví như kia có ngã, thì Thánh nên đồng với Phàm, đó là giả lập để phá. Nay lia ngã không sinh xác định rõ Vô ngã tức là phủ định để phá bỏ. Hoặc như luận Nhân minh lập lượng kết tóm. Chỉ là giả sử để xác nhận về lỗi là so sánh lượng với chỗ khác. Nay nêu ra vô ngã trong Kinh thì lượng Ngã kia không thể thành. Nghĩa là lia Ngã đã không thọ sinh tức biết trong Đệ nhất nghĩa quyết định không có Ngã, sao được có Trí của ngã vì vậy Số tóm kết rằng: Trở lại hiển bày vọng tình xác định là lỗi lầm.

- Số từ câu: “Hai lỗi đã thành” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về Vô ngã. Có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Thứ hai là khởi duyên đảo, hoặc, tức luận biện minh để đáp” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm bốn:

Một: Giải thích chỗ đáp.

Hai: Từ câu: “Theo văn phân làm ba” tiếp xuống: Là phân định tổng quát.

Ba: Từ câu: “Thứ nhất, nhưng mười hai chi” tiếp xuống: Là dùng nghĩa để thấu gọn.

Bốn: Từ câu: “Lại dựa vào mười hai chi” tiếp xuống: Là chính thức giải văn của kinh.

Trong phần ba, Luận Du Già, Đối pháp đều đồng là bốn. Nay dựa nơi Luận Duy Thức quyển thứ tám. Văn của luận chưa nêu hết, nơi phần tiếp sau, Sở giải nêu đủ.

Nhưng chủ thể nêu dẫn, đối tượng được nêu dẫn đều ở trong Nhân.

Chủ thể phát sinh, đối tượng được phát sinh đều đối chiếu với nhân quả mà nói. Luận Duy Thức quyển thứ tám nêu rõ về mười lăm nơi chốn nương tựa, kiến lập trong mười nhân, thì ba chốn nương tựa của tập khí, tức là chủng tử trong ngoài ở dạng chưa thành thực. Nghĩa là dựa vào nơi chốn này kiến lập Nhân dẫn dắt, có thể dẫn dắt, có thể dẫn dắt quả của tự mình từ xa. Nay chọn lấy chủng tử dấy khởi nên chỉ gọi là chủ thể dẫn dắt. Còn chủ thể, đối tượng được sinh thì như luận kia đã nói. Bốn chốn nương tựa của chủng tử tức chủng tử trong ngoài ở dạng đã thành thực. Nghĩa là dựa vào nơi chốn này Kiến lập thành Nhân sanh khởi, có thể sinh khởi tự quả từ gần. Chính phù hợp văn nay. Ba chi Ái, Thủ, Hữu gọi là đã thấm nhuần.

- Sở từ câu: “Đây là căn cứ nơi hai đời” tiếp xuống: Là kết hợp để thông tỏ về kinh, luận. Nếu dựa nơi Duy Thức thì ba đời là theo Tiểu Thừa. Nay xét phần sau nơi kinh đã nêu đủ về hai nghĩa.

- Nói “Phát sinh, dẫn dắt cùng chung”: Tức trong Vô minh, Hành có Ái, Thủ, Hữu. Trong Ái, Thủ, Hữu có Vô minh, Hành, Thức. Năm quả tức sinh lão cùng là quả vị, đều như phần sau nêu bày.

- Nói “Lại dựa mười hai nơi”: Là do trong kinh này thứ lớp được dẫn ra, lại muốn gồm thấu chung nơi hai đời, ba đời. Nhưng dựa theo văn của kinh lại hợp phân làm năm:

Một: Vô minh.

Hai: Hành.

Ba: Thức.

Bốn: Danh sắc.

Năm: Kết hợp biện giải các chi còn lại.

- Sở từ câu: “Đầu tiên đến có không là biện giải về chi Vô minh” tiếp xuống: Đoạn này gồm năm:

Một: Phân định về kinh.

Hai: Từ câu: “Không có trí tuệ là si” tiếp xuống: Là giải thích tóm lược. Cho nên Luận viết: “Đây là chỉ rõ Vô minh, Hữu Ái là hai chi hữu căn bản”. Hữu Ái tức là Ái của ba cõi Hữu. Cũng đồng với kinh đại Bát Niết-bàn nói cội gốc của sinh tử gồm có hai thứ: Một là Vô minh, Hai là Hữu Ái. Trung gian của hai thứ này tức có sinh, lão, bệnh, tử.

Ba: Từ câu: “Nhưng dựa nơi ba đời” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn để giải thích, xác nhận.

Vấn nạn nêu: “Đã nêu lên hai chi là gốc của chi hữu, sao có thể như trên nhận định chỉ thuộc về vô minh?” Nên vì đây mà cần thông tỏ:

Thứ nhất: Là dựa nơi ba đời, tức nơi Luận Câu Xá gọi là “Hoặc của đời trước”. Nghĩa là Vô minh thuộc đời quá khứ, Như Vô minh, như Ái đều là Vô minh.

Thứ hai: Dựa nơi hai đời, tức văn của Luận Duy Thức. Các Hoặc đều có thể phát sinh nghiệp, há không có Ái sao?

Bốn: Từ câu: “Chỉ chọn lấy chủ thể phát khởi” tiếp xuống: Là chính thức nêu ra Thể. Tức Duy Thức cho là trước có thể dẫn dắt sau. Luận nói đủ là: Vô minh trong đây nói đó là chủ thể phát khởi, chính thức cảm ứng các nghiệp thiện ác của đời sau, tức những gì được phát khởi ra mới gọi là Hành. Do vô minh đây mà tất cả hiện tại thọ nghiệp thuận theo, nó riêng hỗ trợ nghiệp đương có đều không phải chi Hành. Giải thích: Tức từ Vô minh trở xuống là nêu ra Thể của Hành. Văn tiếp theo mới xử dụng. Nêu dẫn Vô minh đây hoàn toàn ở kiến đạo, một phần ở Tu đạo.

Năm: Từ câu: “Mong về thường là có” tiếp xuống: Là dùng Luận để giải thích Kinh.

- Sở câu: “Thứ nhất nêu: Chẳng chánh tư duy là Hành cùng vô minh”. Đây có hai ý:

Một là: Chi vô minh chung cho các phiền não, như trước đã biện minh. Nay chọn lấy lúc chính thức dậy khởi Hành, mê chấp nơi lỗi lầm của Hành, tức Hành cùng với Vô minh, chẳng phải thuộc về chi Vô minh phát khởi nghiệp nêu trước.

- Sở câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nói: Đây là nhân của Vô minh, cũng là Vô minh thâm tóm”: Là ý thứ hai. Vì chi Vô minh chính là cùng với Hành đều dậy khởi riêng lẻ, chẳng phải là Vô minh, tức một câu này cũng là Vô minh. Cho nên phần tiếp sau sở viết: “Nói tiếp trước để dậy khởi sau”. Luận giải thích Kinh chỉ nói: “Luôn theo niệm tà vọng hành theo nẻo tà.” Niệm tà tức là tên gọi khác của Vô minh. Luận viết: “Luôn tùy theo niệm tà chỉ rõ nhân của Vô minh.”

Đại sư Tuệ Viễn giải thích: “Nêu rõ Hành dùng Vô minh làm nhân.”

- Nói: “Kinh đại Bát Niết-bàn nêu”: Tức nơi quyển thứ ba mươi bảy, nam bản là quyển thứ ba mươi ba, phẩm Bồ tát Ca Diếp, nhân đức Thế tôn nói Vô minh là căn bản của tất cả các lậu, Bồ tát Ca Diếp thưa: Thế tôn, Như Lai trước đây, ở nơi mười hai bộ kinh nói: Chẳng khéo tư duy là nhân duyên sinh ra tham dục, giận dữ, si mê. Nay vì sao lại bảo là Vô minh? Phật đáp: Thiện nam! Hai pháp như thế cùng là nhân quả cho nhau, tăng trưởng lẫn nhau. Chẳng khéo tư duy sinh nơi Vô minh.

Vô minh là nhân duyên sinh ra chẳng khéo tư duy. Thiệt nam! Những gì có thể làm sinh trưởng các phiền não thấy đều gọi là nhân duyên của phiền não. Nhân duyên gần gũi với phiền não như thế gọi là Vô minh. Chẳng khéo tư duy...”

Giải thích: Đã là hổ tương sinh ra nên là Vô minh. Luận Du Già cũng nói. Hỏi: Nếu Vô minh nói là dùng chẳng tác ý như lý làm nhận, vì nhân duyên gì trong giáo pháp Duyên khởi, không nói làm trước tiên? Đáp: Chẳng tác ý như lý chỉ là nhân của sự không quyết đoán đúng, không phải là nhân của tạp nhiễm. Vì sao? Vì ngu mới khởi tác ý sai trái, dựa vào pháp duyên khởi thì nói đến nhân tạp nhiễm. Tự tánh của Vô minh vốn là pháp nhiễm ô, tự tánh của tác ý chẳng như lý không phải là nhiễm ô. Chúng không thể làm nhiễm ô vô minh, nhưng do lực vô minh chúng trở thành cái bị nhiễm ô. Lại vô minh là sinh ra nghiệp tạp nhiễm, là chỗ huân tập phát khởi của lực phiền não, là nhân đầu tiên của Nghiệp. Vì thế đứng đầu ở pháp Duyên khởi không nói “tác ý chẳng như lý”.

Giải thích: Như ý của Luận Du Già thì phạm phu trước đó không có trí tuệ dấy khởi nghiệp vô minh chẳng khéo tư duy, không phải là Thể của Vô minh thì không kiến lập làm chi. Nay nói rõ Vô minh là chủ thể sinh khởi, cũng thuộc về Vô minh. Luận Du Già dựa sát theo Thể mà luận.

Kinh này nối tiếp trước, dấy khởi sau, nhân quả cùng nêu”: Trong đây chính là biện minh về chi Hành. Tức Vô minh duyên Hành nên gọi là nối tiếp trước dấy khởi sau, là nêu lên Nhân đó (chẳng khéo tư duy). Trước chính là nói về Vô minh dấy khởi Nghiệp, là nêu về quả. Do đó nói: “Cùng nêu dẫn”. Nếu dựa theo Kinh đại Bát Niết-bàn thì Vô minh có thể sinh ra chẳng khéo tư duy, tức biết vô minh cũng có nghĩa Nhân. Chính là thể của chi là Nhân chẳng thể nêu bày.

- Số câu: “Câu tiếp theo dựa nơi người để làm rõ về lỗi lầm”: Văn nơi phần Số giải gồm bốn:

Một: Giải thích Kinh.

Hai: Từ câu: “Nên địa thứ nhất” tiếp xuống: Là dẫn chứng

Đã nói là tương ứng với điên đảo, tức là cầu đạt có, mê chấp khổ nơi ba cõi, cho là vui.

Ba: Câu: “Ngược lại chỉ rõ về thắng nghĩa của Bồ tát”: Tức là phần giải thích của Luận.

Bốn: Từ câu: “Nghĩa là Bồ tát”: Tiếp xuống: Là Số giải thích Luận. Tức là nơi Luận Duy Thức, trong phần các môn phân biệt, là

môn thứ sáu, bàn về Hữu lậu, Vô lậu. Nghĩa là “Chi hữu” đều là Hữu lậu. Vô lậu thì chẳng phải là chi hữu. Cho nên chỗ thắng nghĩa của Bồ tát tức là vô lậu. Cũng là môn thứ mười một: Phân biệt về Học, Vô học. Luận kia viết: “Tất cả đều chỉ trái với Học, Vô học nơi Thánh nhân. Những nghiệp thiện hữu lậu nêu rõ là duyên. Trái với chi hữu nên chẳng phải do chi hữu thâm tóm. Do đó nên biết Thánh ắt chẳng tạo Hoặc nghiệp nơi đời sau. Đối với quả khổ về sau, không còn mê lẫn cầu đạt.” Nên nay vẫn nơi phần Số giải đã dùng ý của Luận ấy.

Thể đối chẳng thật nên gọi là Hành vọng. Bồ tát khéo biết rõ nên chẳng gọi là vọng.

- Số từ câu: “Như đi theo con đường Niết-bàn” tiếp xuống: Là Số giải thích Luận .

- Số câu: “Do ba nghiệp tương ứng nơi Tư tạo ra ba Hành”: Là nêu tổng quát về thể của Nghiệp. Cũng tức nơi Luận Duy Thức, quyển thứ tám, môn phân biệt về ba Tánh. Ba nghiệp theo đại thừa đều do Tư làm Thể. Tư của Thân động gọi là Thân nghiệp. Tư của phát ra ngôn ngữ gọi là Ngữ nghiệp. Hiện thể của Tư tức là Ý nghiệp. Ba hành tức ba câu trong Kinh đều chung nơi ba nghiệp, là chung nơi vị sắc, phi sắc.

- Từ câu: “Nghĩa là do mê lầm về dị thực” tiếp xuống: Là hiển bày về Tướng của ba nghiệp. Nhưng về “Ngu” thì lược có hai thứ:

Thứ nhất: Ngu do mê lầm về nghĩa dị thực.

Thứ hai: Ngu do mê lầm về nghĩa chân thật.

Ngu thứ nhất là mê lầm đối với quả báo hiện có, chẳng rõ thiện ác chiêu cảm nên sự khổ vui hiện hữu, nên ở nơi hiện tại mặc sức tạo ác như sát sinh v.v... có ba phẩm, thành nhân của ba đường dữ, như ở địa thứ nhất đã nêu.

- Nói: “Cùng người, Trời với nghiệp khổ, báo riêng”: Năm giới cùng với phẩm dưới nơi mười Thiện là nghiệp của báo chung nơi con người. Trước từng làm thương tổn người khác mà nay chiêu cảm nhận lấy các căn thiếu sót tức là báo riêng. Từng mắng chửi người khác cũng nhận lấy quả báo gọi là nghiệp khổ.

- Từ câu: “Nhưng riêng ắt gồm luôn chung” tiếp xuống: Là giải thích sự chiêu cảm để tạo nên báo riêng, chẳng phải là nghĩa của chi Hành.

- Số câu: “Ngu do mê lầm nơi nghĩa chân thật”: Tức nói về ngu thứ hai. Ba cõi là quả khổ, Nghiệp Hoặc là tập, tức thắng nghĩa nơi lý của đạo nên gọi là chân thật. Nay cho khổ là vui, mê lầm tạo nghiệp là nhân nên dấy khởi hành phước. Nghiệp tịnh của tám Thiên cũng là cái

ngu ấy.

- Số câu: “Tiếp theo, nơi phần sau các Hành nêu rõ về chi Thức”:
Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Dựa nơi kinh để giải thích tóm lược.

Hai: Từ câu: “Tức là chỗ dẫn khởi” tiếp xuống: Là dẫn chứng để giải thích rộng. Phần này gồm ba chi tiết: Một là nêu lên các giáo khác. Hai là lãnh hội kinh hiện tại. Ba là bàn rộng về Luận hiện nay.

Nơi phần “Một là” nêu dẫn hai Luận một kinh để biện minh về chỗ dẫn khởi rộng hẹp.

Thứ nhất là dẫn Luận Duy Thức, chỉ dùng Thức chủng, phân làm bốn:

Một: Nêu rõ chung về năm thứ là chi của chỗ dẫn khởi.

Hai: Từ câu: “Căn cứ là dị thực” tiếp xuống: Là chỉ rõ riêng về năm tướng. Đã cho “Năm thứ ấy đấy khởi không có trước sau” nên chẳng dựa vào thứ lớp. Nhưng Luận nêu đầy đủ là: “Trong đó, Thức chủng là nhân của thức gốc. Trừ ba nhân sau, các nhân còn lại đều là danh sắc - chủng thân tóm. ba nhân sau như thứ tự của tên gọi tức là ba chủng sau”

Giải thích: Ba nhân tức là xúc, thọ sáu xứ. Sở đã phối kết riêng với chi Thức tức là Thức chủng thứ tám, đối chiếu với dị thực hiện có là nhân duyên gần.

Ba: Từ câu: “Nhân định dạng khó nhận biết” tiếp xuống: Là giải thích để thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Nghĩa là có Vấn nạn: Nói không có trước sau sao cho trước là Thức sau là Xúc Thọ?

Bốn: Từ câu: “Năm là chẳng lia Tâm” tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích văn của kinh. Đã có năm thứ, sao lại chỉ gọi là gieo trồng chủng tử của Tâm? Nên vì đấy mà giải thích. Có hai ý: 1) căn cứ chung riêng nên gọi là chẳng lia Tâm. 2) Căn cứ theo sự ẩn giấu, hiển bày để gồm hợp.

Nay sở chỉ gọi đoạn này là chi Thức, nên năm chi của Thức đều chung cả Nhân Quả. Thức tức hiển Nhân ẩn Quả. Bốn chi kia thì hiển Quả Nhân. Quả sau chỉ nói là phát sinh mầm của Danh sắc, chẳng gọi là Thức.

- Số từ câu: “Nhưng trong Luận Duy Thức” tiếp xuống: Là phần thứ hai, kết hợp để thông tỏ nơi Tập Luận (thứ nhất là dẫn Luận Duy Thức). Do chỗ nhằm hiển bày chẳng đồng, nên nêu dẫn Tập Luận, cho Thức là chung cả chủ thể dẫn khởi và đối tượng được dẫn khởi, là chỗ lập của Luận ấy chính là dùng Nghiệp chủng, tức nêu ra lý do. Do Hành

huân tập nơi Tâm, gây tạo nên Thức của quả hiện có, vì thế là chi Thức. Nếu vậy thì Thức chủng thân tóm cái gì? Nên gọi là Danh sắc. Danh sắc thì rộng.

- Sở từ câu: “Kinh Duyên Khởi nói” tiếp xuống: Là phần thứ ba lãnh hội Kinh Duyên Khởi (dẫn hai luận, một kinh). Gồm ba chi tiết:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Từ câu: “Nghiệp chủng, Thức chủng” tiếp xuống: Là chính thức biện giải về chỗ lập. Do nghiệp huân tập Thức, gây tạo nên Thức hiện có. Do hai chủng gọi là chi thức, Nghiệp chủng là chủ thể dẫn khởi, Thức chủng là đối tượng được dẫn khởi, cùng gọi là chi Thức.

Ba: Câu: “Thức chủng chỉ là chỗ dựa của Danh sắc”: Là nêu ra ý của vấn nạn kia, tóm kết phê phán về Tập Luận.

Nói: “Chỉ là chỗ nương tựa, chẳng phải là thể của Danh sắc” : Dựa nơi Thức căn bản mới nói các Thức còn lại có “Yết Thích Lam” (hòa hợp). Về quả đã như thế thì nhân cũng vậy.

- Sở từ câu: “Nay ý của Kinh đồng với chỗ nêu của Kinh Duyên Khởi” tiếp xuống: Là chi tiết “Hai là”: Lãnh hội Kinh hiện tại. Cho nên cùng nêu Hành, Thức, dẫn ra văn của chỗ đồng.

Đã nói: “Ở trong các Hành gieo trồng chủng tử của Tâm”, nghĩa tương đương với chi Thức, nêu rõ là dùng chung cả hai.

- Sở từ câu: “Luận viết: Trong đó” tiếp xuống: Là chi tiết “Ba là” bàn rộng về chỗ giải thích của Luận hiện tại. Hiện bày về Tâm nên riêng được mang tên là “Chủng”, cũng hiện bày đây là nghĩa của Nhân duyên.

- Sở từ câu: “Tiếp theo, Hữu lậu có Thủ” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một : Hiện bày chung về ý của văn.

Hai: Từ câu: “Như trong địa thứ nhất” tiếp xuống: Là dẫn chứng, Kinh viết: “Dòng chảy của Dục, của Hữu, của Vô minh, của Kiến, dấy khởi chủng tử của Tâm ý thức.”

Ba: Từ câu: “Hữu Lậu là Ái, có Thủ là Thủ” tiếp xuống: Là giải thích riêng về văn của Kinh.

Đã nêu Ái, Thủ chủng, lúc chưa thấm nhuần (thuần thực) chỉ gọi là đối tượng được dẫn khởi. Ái, Thủ đã thấm nhuần rồi nên gọi là chủ thể phát sinh.

- Sở từ câu: “Tiếp theo lại dấy khởi cho đến biện giải về chi Danh sắc”:

Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích câu chung.

Hai: Từ câu: “Chỗ gọi là” tiếp xuống: Là giải thích câu riêng. Nơi phần chung, nói: “Tên gọi của Hiện hành v.v... đều là Sanh, Lão tử”: Chữ “vân vân” (đẳng). Là chỉ năm Quả, tức Thức, danh sắc, sáu nhập, Xúc, Thọ. Năm thứ này từ khởi đầu ở dạng nối kết sinh, cho đến chỗ thọ nhận các sự tăng trưởng, gọi chung là Sanh. Ở dạng có chuyển biến, suy kém gọi là Lão. Uẩn bị hủy hoại gọi là Tử. Chẳng lìa năm thứ ấy, dựa nơi ba đời mà nói, thì năm quả của hiện tại tức là Sinh, Lão, Tử của quá khứ.

- Số từ câu: “Hai là hiển bày từ trước giờ” tiếp xuống: Đây là nêu rõ về một thời của hai đời, mà là biện giải về chi của chủ thể sinh, đối tượng được sinh. Gồm sáu phần:

Một: Nêu dẫn tóm lược.

Hai: Dẫn luận để chứng minh, xác nhận.

Ba: Kết hợp thông tỏ về cách giải thích khác.

Bốn: Tóm kết để thành nghĩa chính.

Năm: Thâu tóm thêm môn khác.

Sáu: Dựa nơi văn để chính thức giải thích.

- Nói về phần một gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu lên mười Nhân sinh nơi hai Quả.

Hai là: Từ câu: “Danh sắc ở đầu” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Tức vướng mắc rằng: Nếu sinh ra hai quả thì nên nói sinh ra quả của Sinh, Lão, Tử, tại sao nói sinh ra mầm Danh sắc? Đáp: Vì muốn hiển bày tướng sai biệt của hai quả ở đương lai. Thứ tự nói năm chi. Thức ở chủng tử nên Danh sắc ở vị trí đầu.

Ba là: Từ câu: “Nghĩa là do tâm trước” tiếp xuống: Là dựa nơi Kinh để biện giải tóm lược. Phần riêng tiếp sau sẽ nêu đủ.

- Số từ câu: “Nên Luận Duy Thức viết” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn Luận để chứng minh, xác nhận. Văn của Luận đầy đủ là: “Ba chi chủ thể sinh khởi, tức là Ái, Thủ, Hữu là yếu tố gần sinh ra Sinh, Lão, Tử của đời vị lai. Do duyên mê lầm, với quả dị thực bên trong ngu tối phát sinh chủ thể gây tạo các nghiệp đời sau, làm duyên dẫn phát gần gũi để sinh ra phần Sinh, Lão, Tử nơi đời vị lai. Năm chủng quả đã có (tức chỉ cho trước) lại mê lầm ở quả tăng thượng bên ngoài (Vô minh phú nghiệp) ngu tối duyên nơi cảnh giới, thọ nhận, phát khởi tham dục (tức là chi Ái). Duyên nơi Ái lại sinh bốn Thủ như dục v.v... (tức chi Thủ). Ái, Thủ kết hợp, thâm nhuần, là chủ thể dẫn khởi nghiệp chủng, và Nhân của đối tượng được dẫn khởi (tức năm quả chủng), chuyển

biến gọi là Hữu, đều có thể gần với Hữu, với quả của Hữu sau.” Nay, phần Số giải lược dẫn, chỉ chọn lấy chỗ kết hợp, thấm nhuần thành nghĩa Hữu.

- Số từ câu: “Luận Du Già quyển thứ mười” tiếp xuống: Là phần ba, kết hợp thông tỏ về cách giải thích khác. Gồm có hai văn, đều là Luận Duy Thức ngầm chung với Luận Du Già. Nay hiển bày tên của Luận và thứ lớp thôi.

Thứ nhất: Là chỉ nói về nghiệp chủng: Ý cho rằng: Nhân là thiện ác, Quả là vô ký. Gọi là quả Dị Thực. Năm chủng như Thức v.v... tuy chính là ẩn Nhân có thể sinh khởi, nhưng không có lực chính để sinh Quả, nên chẳng được gọi là Hữu. Cho nên Luận Du Già, phần tiếp theo nêu câu hỏi: Do đâu không nói về Tự Thể làm duyên của Tự Thể? Đáp: Do Tự Thể kia, nếu chẳng được duyên khác, thì ở nơi tạp nhiễm của Tự Thể chẳng thể tăng trưởng, cũng chẳng tổn giảm, do đó chẳng nói. Tức là ý này..

- Nói “Như đoạn sau nêu bày”: Tức đoạn sau nơi kinh viết: “Chấp giữ chỗ dấy khởi nghiệp Hữu lậu tức là Hữu”.

- Số từ câu: “Luận Du Già nơi quyển thứ ba mươi tám” tiếp xuống: Tức là ý thứ hai, chỉ dùng năm chủng. Ý dùng nhân duyên để phân biệt, loại bỏ Duyên tăng thượng của Nghiệp chủng.

- Số từ câu: “Thật ra thì gồm tám chi” tiếp xuống: Là phần bốn, tóm kết để thành nghĩa chính. Nghiệp chủng là một, Thức v.v... là năm, tức chỗ thấm nhuần có sáu, là thể của chi Hữu. Ái, Thủ khiến thấm nhuần như nước ướt thấm nhuần vào mầm cây. Chủ thể, đối tượng hợp bàn nên nói là có tám. Hợp tám là Hữu. Hữu không có Thể riêng nên gọi là “Giả Hữu”. Tức nơi luận Duy Thức, phần phân biệt Thật Giả trong “Phân biệt các môn”. Luận viết: “mười hai chi hữu, có chín Thật, ba Giả. Một là sáu chi đã thấm nhuần sáu chi, kết hợp gọi là Hữu. Hai tức là sinh tử. Ba là Tướng vị nơi sinh tử được lập riêng. Nay tương đương với phần một.

- Số từ câu: “Nếu cho mười hai chi là” tiếp xuống: Là phần thứ năm, thấu tóm thêm môn khác. Tức chỗ dựa của mười Nhân nơi đời nay là hai quả của đời trước, nên thành mười hai. Nhưng Sinh, Lão Tử là năm chủng như Thức v.v... tuy không có Thể riêng, mà tăng trưởng, suy biến cùng có khác, vì là Giả Hữu, nên thành mười hai. Nay trong văn không có nên gọi là “Thâu tóm thêm”.

- Số từ câu: “Lại căn cứ theo chi hữu, văn có sáu Duyên” tiếp xuống: Là phần sáu, dựa nơi văn để chính thức giải thích.

Hai câu trên là nêu lên, do ở trên chia ra hai nghĩa, nay bỏ phần Thức sinh Danh sắc, chỉ dùng phần Hữu sinh, nên gọi là “Lại căn cứ theo chi Hữu”.

- Sở từ câu: “Một, Nghiệp là ruộng” tiếp xuống: Là phần giải thích riêng.

- Câu: “Tức là Hành Chủng”: Nghiệp là của Hiện hành, đang niệm tức rời, huân tập vào Thức làm Chủng là đối tượng được thấm nhuần.

- Câu: “Đối chiếu với quả của đối tượng được sinh khởi chỉ là duyên tăng thượng”: Như ruộng không có hạt giống thì chẳng thể sinh ra cây lúa.

- Sở câu: “Hai, Thức là chủng tử”: Thức này là chủng tử, do năm chủng như Thức v.v... chưa đạt đến hiện hành, tức chủng của danh ngôn so với quả của sinh tử nơi đời sau là nhân duyên, nên gọi là Nhân gần. Đây tức là chỗ Duyên khởi của Tự Thể.

- Tiếp theo, từ câu: “Như nơi thế gian” tiếp xuống: Là cùng nêu dụ về hai phần trên. Nếu không có nhân của Nghiệp thì Thức chẳng thành chủng Chiêu cảm lấy sự khổ, vui chính là từ nghiệp thiện ác. Do đó Thức chủng trong ba tập khí chỉ là “Danh ngôn tập khí”, chẳng phải là chi Hữu.

- Sở câu: “Vô minh che phủ”: Giải thích một câu này theo văn phân làm bốn phần:

Một: Nêu lên chỗ giải thích của Luận.

Hai: Từ câu: “Đây tức là” tiếp xuống: Là giải thích ý của Luận.

Ba: Nêu sự đối chiếu.

Bốn: Dẫn Luận khác.

Trong phần hai, nói: “Cùng có thể phát khởi”: Tức nghĩa “cùng dấy khởi” nơi Luận Câu Xá. Luận viết: “Cùng dấy khởi có ba thứ: Nhân và duyên sát na. Như thứ lớp nên nhận biết, gọi là chuyển, là tùy chuyển.”

Giải thích: Câu đầu nêu lên Biểu sắc và Vô biểu sắc. Cùng dấy khởi có hai thứ. Câu tiếp theo là phân biệt: Một là nhân cùng dấy khởi. Hai là Duyên cùng dấy khởi. Tâm trước khi phát ra nghiệp gọi là Nhân cùng dấy khởi, tức ở trước là Nhân. Cùng với Nghiệp kết hợp với Tâm gọi là Duyên. Sát na cùng dấy khởi đồng với thời gian của Sát na. Câu sau là lập danh. Nhân cùng dấy khởi với Tâm gọi là Chuyển. Chuyển tức là khởi, khi sắp tạo nghiệp có thể dẫn phát. Sát na cùng dấy khởi gọi là Tùy chuyển, nghĩa là tùy theo nghiệp mà chuyển biến. Chính đang

lúc tạo nghiệp chẳng lìa nhau.

Giải thích: Nay chọn lấy Vô minh trước nghiệp tức là Nhân cùng đầy khởi, nên gọi là sự hỗ trợ xa.

- Sở từ câu: “Cũng là nêu lên đời trước” tiếp xuống: Là phần ba, nêu dẫn sự đối chiếu giải thích. Tức dựa nơi ba đời để đối chiếu. Vô minh đời trước đã có đủ tất cả phiền não. Nay ở trong Ái, Thủ của hiện tại cũng có đủ các Hoặc.

- Sở từ câu: “Dựa theo ý của Duy Thức” tiếp xuống: Là phần bốn, nêu dẫn Luận khác. Vô minh ở đây cũng là chủ thể thấm nhuần, là chỗ thâm tóm của Ái, Thủ. Trước là Vô minh phát khởi nghiệp, còn ở đây là Vô minh che lấp nghiệp, nên chẳng đồng.

- Câu: “Tức mê lầm nơi chỗ ngu về Quả tăng thượng bên ngoài”: Là nêu ra Tướng của Vô minh trong chi Ái. Cũng là văn của Luận Duy Thức như đã dẫn ở trước.

- Tiếp theo từ câu: “Lại, các thứ phiền não” tiếp xuống: Cũng là văn của Luận Duy Thức, để xác nhận nghĩa trên, lại cũng không giới hạn ở mê lầm về Quả tăng thượng bên ngoài. Luận Duy Thức viết: “Tất cả phiền não đều có thể “Thấm nhuần” vào các nghiệp. Mà nghiệp được thấm nhuần ấy thì lực của Ái, Thủ là hơn hết”.

Phần tiếp viết: “Do căn cứ nơi mười Nhân đồng một đời”: Mười Nhân đồng một đời tức là nghiệp của sinh báo. Chủ thể phát dẫn, chủ thể thấm nhuần đều cùng một nơi chốn.

Theo ý của đại sư Tuệ Viễn thì Vô minh có bốn:

Một: Vô minh mê lầm về Lý. Nghĩa gồm cả khởi đầu, chung cuộc.

Hai: Vô minh phát nghiệp. Ở nơi trước Hành.

Ba: Vô minh phú nghiệp: Vô minh này ở sau Hành, trước Thức.

Bốn: Vô minh thọ sinh. Cùng với Thức là đồng thời hiện hành. Hoặc ở sau Thức, đối chiếu với chủng tử quá khứ nơi Tâm Thức thì ở sau Thức. So sánh với Thức chủ thể sinh thì đồng thời với Thức. Nay là Vô minh Thọ sinh.

- Sở câu: “Luận chủ chỉ rõ, thường cầu Ái của Có, Không tức là nêu lên sự so sánh”: Luận viết: Thường cầu Ái của Có, Không như nước thấm nhuần” tức rõ là chỉ cho phần trước. Nay nói: “Tức là nêu lên sự so sánh” là nói Ái trong ấy chẳng khác với Ái trong chi Vô minh.

- Câu: “Cũng tức là Hữu lậu trong phần nêu lên ở trước”: Ở trước nói: “Hữu lậu là Ái hữu, Thủ là Thủ”. Là chi Ái trong đó.” Tiếp theo nêu: “Do trước có Ái, Vô minh thâm tóm”: Tức Ái ấy là Ái trong Vô

minh, tức Ái của phát nghiệp. Nay là Ái của nghiệp được “Thấm nhuần” nên không đồng.

- Sở câu: “Chính là luôn luôn tươi sinh thì mới sinh mầm Hữu”: Nêu Luận Duy Thức nói: “Ở nơi phần nghiệp được thấm nhuần thì lực của Ái riêng tăng, nên nói Ái như nước có thể tưới tắm, làm cây cỏ xanh tốt, chính là luôn được tưới tắm thì mới sinh mầm Hữu. Lại dựa theo chỗ trước sau để phân Ái, Thủ làm hai. Tức phần đầu của Ái là Ái, phần sau của Ái gọi là Thủ.”

- Sở câu: “Chấp giữ Ngã ngữ là Ngã mạn” tức ở trên Luận viết: “Duyên nơi phần sau của Ái mà sinh nên cùng với bốn Thủ”.

Giải thích: bốn Thủ là: Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Thủ và Ngã ngữ Thủ. Nay thuận trong Kinh, nói về Ngã mạn nên trước nêu Ngã ngữ để cùng với ba Thủ còn lại.

- Nói dục Thủ: Tức là chọn lấy cảnh giới của năm dục hơn hết. Luận Du Già nói: “Thế nào là dục thủ? Nghĩa là ở nơi các dục phát sinh ra tham dục. Thế nào là Kiến Thủ? Tức là trừ Tát-ca-da kiến (thân kiến) ở nơi các kiến còn lại hiện bày tham dục hiện có. Thế nào là Giới cấm Thủ? là ở nơi Nguyện tà vạy hiện bày các tham dục. Thế nào là Ngã Ngữ Thủ? Tức ở nơi Tát-ca-da kiến hiện bày các tham dục.”

Có chỗ giải thích: Giới tức chỉ các giới cấm xấu ác như giới của các loài chó, bò. Ngã ngữ tức Thức bên trong dựa nơi ấy để nói về Ngã.

Có chỗ khác giải thích: Ngã kiến, Ngã mạn gọi là Ngã ngữ. Vì sao hai thứ ấy riêng gọi là Ngã ngữ? Do hai thứ ấy nói có Ngã. Ngã chẳng phải là có. Gọi là Ngã ngữ, như kệ kinh nêu: Các Tỳ kheo nên biết: Người ngu muội không hiểu biết, đối với loại dị sinh, thuận theo ngôn thuyết giả dối, bèn đẩy khởi ngã chấp, ở trong Vô ngã và cùng với Ngã sở... Luận Du Già viết: “Dục thủ chỉ sanh quả khổ của cõi Dục. Còn ba Thủ kia thì sinh chung quả khổ của ba cõi”.

- Sở từ câu: “Sáu là lưới kiến chấp” tiếp xuống: Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Nêu ra Thể của Lưới kiến chấp.

Hai: Từ câu: “Khiến cho pháp vô lậu” tiếp xuống: Là nêu ra ý của tên gọi Lưới kiến chấp. Lưới tức là thí dụ, đã gieo hạt giống xuống đất, lại thêm đất phủ lên, sợ có sâu, chim. Bày biện ra thì dùng lưới bắt tức chim thú chẳng thể xâm hại. Nay từ đây đã gieo hạt giống của sinh tử lại giăng lưới kiến chấp, thì các “Chim thú vô lậu” chẳng thể xâm hại, làm tổn giảm, nên quyết định thọ sinh.

- Sở câu: “Luận giải thích tổng quát viết”: Do Luận vừa giải thích về Vô minh che phủ. Luôn câu Ái của có không như nước thấm nhuần, xong, bèn nói: “Như thế mà trụ, như thế mà sinh tâm.” Sở dùng hai câu này để hiển bày tổng quát về sự sinh ra mầm của Danh sắc. Tức Thức là chủng tử của Chủ thể trụ. Nghiệp là đất của đối tượng được trụ. Ái, Thủ, Vô minh là nhân duyên của Trụ. Nói: “Do Vô minh, Ái khiến Thức chủng trên an trụ nơi đất nghiệp”: Đây là giải thích câu: “Như thế mà trụ”.

Phần tiếp sau viết: “Danh sắc sinh tâm” là giải thích câu: “Như thế mà sinh Tâm”. Danh sắc là Tâm của đối tượng được sinh. Còn trên đều là Chủ thể sinh.

- Sở câu: “Tiếp theo là trở lại giải thích Ngã mạn”: Nói: “Trở lại giải thích”: Tức kinh có sáu câu, mới giải thích bốn Mạn trước, phần “Kiến” chưa giải thích, liền nói về “Giải thích tổng quát”, xong lại giải thích về “Mạn Kiến”, nên gọi là “Trở lại giải thích”.

- Từ câu: “Tức Ngã là Ngã sở” tiếp xuống: Là Sở giải thích văn của Luận.

- Câu: “Tiếp theo là giải thích về lưới kiến chấp”: Trong ấy văn của Luận đầy đủ là: “Ngã thường hay là chẳng thường (đoạn), vô số các lưới kiến chấp như thế”. Phần còn lại là Sở giải thích.

- Sở từ câu: “Như nơi địa thứ nhất” tiếp xuống: Là dẫn chứng, ý nói: Nơi địa thứ nhất, từ Vô minh trở xuống có chín câu, kinh đều gọi là Tà kiến. Nay sáu câu trên, văn của kinh nói Vô minh, Nghiệp, Thức đều gọi là lưới kiến chấp.

- Sở từ câu: “Tuy nhiên các câu trên” tiếp xuống: Là giải thích chỗ sinh mầm của Danh sắc. Gồm ba phần:

Một: Tóm kết phần trước, làm phát sinh phần sau.

Hai: Từ câu: “Tức là đối tượng được sinh” tiếp xuống: Là lập lý hợp gọi là Sinh Thức. Dẫn Luận Câu Xá nói về Ý thức chính là uẩn của kiết sinh.

Ba: Từ câu: “Nay do trước đã biện minh” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do được gọi là Danh sắc. Nguyên do có hai:

- Nơi nguyên do thứ nhất cũng gồm hai chi tiết: Một là chính thức nêu rõ về Ẩn, Hiện. Hai là nêu ra lý do.

- Nay nói về chi tiết một. Năm chủng tử chỉ hiển bày Tâm chủng. Năm hiện hành chỉ hiển bày bốn chủng sau. Năm chủng được mang tên đối chiếu nơi năm Quả, há đạt được năm Quả mà không có Thức chẳng? Nên nói: “Lược bớt phần Tổng báo kia”. Tổng báo tức là Thức

thứ tám. Đại thừa cho Thức thứ tám là Thể của chi Thức. Bấy Thức còn lại thì chi danh sắc thân tóm, nên dựa vào Thức thứ tám. Do đó gọi là đối tượng được nương tựa.

Sớ câu: Câu “Muốn hiển bày Thức sinh” tiếp xuống là chi tểit thứ hai nêu ra lý do của ẩn hiện. Lý do có hai: 1) Muốn hiển bày thức duyên với do Danh sắc, nếu chủng tử hiện hành đều là năm thì Thức duyên Danh sắc không thành; 2) Muốn hiển bày chung cho chủng tử và hiện hành. Chung ở chủng tử thì khác Tiểu thừa, chung ở hiện hành thì khác với nghĩa của Duy Thức.

- Sớ từ câu: “Nhưng Danh sắc” tiếp xuống: Là nguyên do thứ hai Danh sắc cùng với Thức không lia nhau. Như hai bó lau. Gồm hai:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Nên địa thứ nhất nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Gồm nêu dẫn ba văn.

- Thứ nhất: Dẫn phần kinh trước, chỉ nói: “Mầm khổ nên không giới hạn chỗ danh sắc”.

- Thứ hai: Dẫn chỗ giải thích của Luận. Đã cho danh sắc cùng với A lại da sinh, tức biết Danh sắc dựa nơi Thức hiện hành.

- Thứ ba: Từ câu: “Tức phần văn sau ấy” tiếp xuống: Là phần dẫn văn sau để chứng minh, đoạn tiếp sau sẽ giải thích.

Do ba văn này, tức biết gồm đủ về hai chi. Ẩn nơi chi Thức thì Hiển nơi Danh sắc.

- Sớ từ câu: “Tiếp theo là Danh sắc tăng trưởng” tiếp xuống:

Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Nêu rõ phần tổng quát.

Hai: Từ câu: “Nhưng một đoạn này” tiếp xuống: Là dẫn ra lý do của việc chỉ rõ. Do trong đoạn này chưa nhằm hiển bày về Tướng.

- Sớ câu: “Câu sau phân biệt với Nhân tà”: Dùng Ngã làm Nhân là Nhân tà. Đây là ý của phái Vệ Thế (Thắng Luận) thì cho phần ngã là “Sự tạo tác” Như phái Tăng Khư thì cho Minh tánh là sự tạo tác. Ngã là “Sự nhận biết” chẳng phải là tạo tác.

